

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 1**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Phần I: (5 điểm)**

Không có kính không phải vì xe không có kính

Bom giât bom rung kính vỡ đi rồi

Ung dung buồng lái ta ngồi

Nhìn đất, nhìn trời, nhìn thẳng.

Nhìn thấy gió vào xoa mắt đắng

Nhìn thấy con đường chạy thẳng vào tim

Thấy sao trời và đột ngột cánh chim

Như sa, như ùa vào buồng lái.

(Trích Bài thơ về tiểu đội xe không kính, Ngữ văn 9, tập 1)

Câu 1: Nêu tên tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ

Câu 2: Bài thơ xây dựng được hình tượng thơ rất độc đáo – những chiếc xe không kính. Nêu ý nghĩa của việc xây dựng hình tượng thơ trên.

Câu 3: Dựa vào đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn khoảng 10 câu lập luận theo cách diễn dịch để thấy được vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe. Trong đoạn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và phép nối liên kết câu.

Phần II (5 điểm)

Đọc đoạn trích sau:

Họa sĩ nghĩ thầm: “Khách tới bất ngờ, chắc cu cậu chưa kịp quét tước dọn dẹp, chưa kịp gấp chăn chẳng hạn”. Ông rất ngạc nhiên khi bước lên bậc thang bằng đất, thấy người con trai đang hái hoa. Còn cô kỹ sư chỉ “ò” lên một tiếng! Sau gần hai ngày, qua ngót bốn trăm cây số đường dài cách Hà Nội, đứng trong mây mù ngang tầm với chiếc cầu vồng kia, bỗng nhiên lại gặp hoa đơn, hoa thược dược, vàng, tím, đỏ, hồng phấn, tổ ong, ... ngay lúc dưới chân kia là mùa hè, đột ngột và mừng rỡ, quên mát e lệ, cô chạy đến bên người con trai đang cắt hoa. Anh con trai, rất tự nhiên như với một người bạn đã quen thân, trao bó hoa đã cắt cho người con gái, và cũng rất tự nhiên, cô đỡ lấy.

(Lặng lẽ Sa Pa, Nguyễn Thành Long, SGK Ngữ văn 9)

Câu 1: Cô họa sĩ trong đoạn văn trên giữ vai trò như thế nào trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*?

Câu 2: Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm

Câu 3: Đoạn văn trên giúp em hiểu gì về nhân vật anh thanh niên – nhân vật chính trong truyện?

Câu 4: Ứng xử của anh thanh niên trong đoạn văn trên đã để lại ấn tượng tốt đẹp. Từ nhận xét đó, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách ứng xử đối với mọi người trong cuộc sống bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I:

Câu 1:

Nêu tên tác giả và hoàn cảnh sáng tác bài thơ

Phương pháp:

Nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm

Lời giải chi tiết:

- Tác phẩm: Phạm Tiến Duật
- Hoàn cảnh sáng tác: năm 1969, trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Câu 2:

Bài thơ xây dựng được hình tượng thơ rất độc đáo – những chiếc xe không kính. Nêu ý nghĩa của việc xây dựng hình tượng thơ trên.

Phương pháp:

Từ hình tượng những chiếc xe không kính, nêu ý nghĩa

Lời giải chi tiết:

Là một hình ảnh rất thực, không hiếm trên tuyến đường Trường Sơn trong những năm tháng kháng chiến chống Mỹ. Là hình ảnh đặc sắc, độc đáo trong thơ Phạm Tiến Duật nói riêng và thơ ca kháng chiến chống Mỹ nói chung. Nó vừa là biểu tượng cho sự tàn phá của chiến tranh, lại vừa là hình ảnh đẹp đẽ, nên thơ ngay trong cuộc chiến ác liệt.

Câu 3:

Dựa vào đoạn thơ trên, hãy viết đoạn văn khoảng 10 câu lập luận theo cách diễn dịch để thấy được vẻ đẹp tâm hồn của người lính lái xe. Trong đoạn có sử dụng lời dẫn trực tiếp và phép nối liên kết câu.

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của em.

Chú ý hình thức đoạn văn diễn dịch với 10 câu.

Lời giải chi tiết:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, vẻ đẹp người lính trong đoạn thơ
- Phong thái ung dung, hiên ngang, dũng cảm:

+ Đảo ngữ: tô đậm sự ung dung, bình thản, điềm tĩnh đến kì lạ.

+ Điệp từ “*nhìn*”, thủ pháp liệt kê và lối miêu tả nhìn thẳng, không né tránh gian khổ, hy sinh, sẵn sàng đối mặt với gian nan, thử thách.

Tinh thần lạc quan, sôi nổi, tinh nghịch, trẻ trung:

+ Giọng thơ tếu nhộn, hài hước: “*Không có*”, “*ừ thì có*”.

+ Hiện thực: *gió*, *bụi* vốn khắc nghiệt bỗng mờ đi dưới sắc thái tươi vui, hóm hỉnh.

+ Cái nhìn lạc quan vào hiện thực

⇒ Họ là đại diện tiêu biểu cho thế hệ trẻ thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Phần II:

Câu 1:

Cô họa sĩ trong đoạn văn trên giữ vai trò như thế nào trong tác phẩm *Lặng lẽ Sa Pa*?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

- Góp phần làm nổi bật tư tưởng, chủ đề của truyện
- Làm nổi bật vẻ đẹp của anh thanh niên
- Cô cũng là một đại diện tiêu biểu cho vẻ đẹp của thanh niên thế hệ lúc bấy giờ

Câu 2:

Giải thích ý nghĩa nhan đề tác phẩm

Phương pháp:

Đọc kĩ nhan đề kết hợp nội dung tác phẩm

Lời giải chi tiết:

“*Lặng lẽ Sa Pa*”: Đảo ngữ → Gọi:

+ Khung cảnh êm đềm, thanh tĩnh của miền đất Sa Pa.

+ Ấn dụ: Vẻ đẹp của con người và cuộc sống Sa Pa. (Cuộc sống thanh bình, con người khiêm nhường). Những vẻ đẹp ấy tiềm ẩn, lắng xuống chiều sâu chứ không khoa trương, ồn ã.

Câu 3:

Đoạn văn trên giúp em hiểu gì về nhân vật anh thanh niên – nhân vật chính trong truyện?

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Anh thanh niên là một người có tinh thần trách nhiệm trong cuộc việc; là người gọn gàng, biết thu xếp cuộc sống, là người lạc quan, yêu đời.

Câu 4:

Ứng xử của anh thanh niên trong đoạn văn trên đã để lại ấn tượng tốt đẹp. Từ nhận xét đó, em hãy trình bày suy nghĩ của mình về cách ứng xử đối với mọi người trong cuộc sống bằng một đoạn văn khoảng 2/3 trang giấy thi.

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

1. Giới thiệu vấn đề

2. Giải thích vấn đề

Ứng xử: cách cư xử, giao tiếp, trò chuyện, trao đổi với nhau bằng những hành động rất đòi thường hằng ngày. Tuy nhiên đối phương có thể nhìn vào đó để đánh giá được con người bạn như thế nào.

⇒ Chúng ta cần cư xử có văn hóa, lịch thiệp với những người xung quanh.

3. Bàn luận vấn đề

- Vì sao cần cư xử có văn hóa?

+ Tạo nên mối quan hệ tốt đẹp, hài hòa với mọi người

+ Đánh giá được bản thân mỗi người

+ ...

- Những người ứng xử có văn hóa luôn được mọi người yêu quý, tôn trọng.

- Nhưng bên cạnh đó vẫn còn những người ứng xử thiếu văn hóa, nói tục, chửi bậy, ...

- Liên hệ bản thân

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 2

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I: (3.0 điểm)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

“Di sản văn hóa phi vật thể là sản phẩm tinh thần có giá trị lịch sử, văn hóa khoa học được lưu trữ bằng trí nhớ, chữ viết được lưu chuyển bằng truyền miệng, truyền nghề, trình diễn và các hình thức lưu trữ, lưu truyền khác. Nó bao gồm tiếng nói, chữ viết, tác phẩm văn học nghệ thuật, khoa học, ngữ văn truyền miệng, diễn sướng dân gian, lối sống, nếp sống”.

(Sách giáo khoa *Giáo dục công dân 7*)

- a. Đoạn văn trên cung cấp thông tin về điều gì? Viết đoạn văn (5-8 câu) nêu suy nghĩ của em về việc bảo tồn những di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc (2.25 điểm)
- b. Chỉ ra lỗi dùng từ trong đoạn văn trên và sửa lại cho đúng (0.75 điểm)

Phần 2: (3.0 điểm)

Ông Nguyễn Văn Lữ – người bảo vệ trường THPT chuyên Lê Hồng Phong luôn được học sinh của trường cúi chào mỗi ngày đến trường. Theo miêu tả của nhiều giáo viên, học sinh, ông Lữ được yêu quý bởi tính cách nhiệt tình, niềm nở. Một giáo viên chia sẻ: “Con người ở cương vị nào dù là bảo vệ, lao công hay giáo viên miễn hoàn thành nhiệm vụ, đáng yêu, không khó chịu đều nhận được sự yêu quý, nể trọng”.

Không ai biết được tuổi nào phù hợp để mỗi người bắt đầu làm một điều tử tế. Các em cúi chào như một phép lịch sự và được chỉ dạy từ thầy cô trong trường và sự dạy dỗ tận tâm từ bố mẹ chúng. Vài giây cúi chào bậc cha chú không làm các em chậm giờ vào lớp mà ngược lại nó là niềm vui mỗi ngày đi học, đi làm của các học sinh và người bảo vệ. Sự tôn trọng này nảy nở từ chính những hành động tương chừng như nhỏ nhất đó khiến môi trường giáo dục trở nên thân thiện, ... Để mỗi lần cúi đầu các em học sinh biết ơn những người không trực tiếp giảng các em những bài học văn hóa nhưng ngầm dạy các em cách để trở thành một người tử tế. Những điều tử tế cứ từ từ bé nhỏ lớn lên như vậy theo năm tháng, mỗi người trong số chúng ta trở thành một nhân tố trong cộng đồng mình.

Viết văn bản nghị luận khoảng 1 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về vấn đề được đặt ra từ bài viết trên.

Phần 3: (4.0 điểm)

Bằng lời kể của nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng hãy kể lại câu chuyện được về phép thăm nhà cho đến khi bé Thu chèo xuồng bỏ sang nhà ngoại.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I:

a.

Đoạn văn trên cung cấp thông tin về điều gì? Viết đoạn văn (5-8 câu) nêu suy nghĩ của em về việc bảo tồn những di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc (2.25 điểm)

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn văn. Nêu suy nghĩ của bản thân về việc bảo tồn những di sản văn hóa phi vật thể của dân tộc.

Chú ý đảm bảo hình thức đoạn văn từ 5-8 câu

Lời giải chi tiết:

- Văn bản đề cập khái niệm di sản văn hóa phi vật thể.
- Bảo tồn di sản văn hóa:
- + Đây là trách nhiệm chung của cộng đồng đặc biệt là thế hệ trẻ.
- + Chúng ta cần: bảo tồn, lưu giữ, có những hoạt động thiết thực để bảo vệ di sản văn hóa phi vật thể.
- + Lên án những hành vi phá hoại.
- +...

b.

Chỉ ra lỗi dùng từ trong đoạn văn trên và sửa lại cho đúng (0.75 điểm)

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn văn

Lời giải chi tiết:

- Sai chính tả: lưu chuyền (lưu truyền), diển sướng (diễn xướng)

Phần II:

Viết văn bản nghị luận khoảng 1 trang giấy thi nêu suy nghĩ của em về vấn đề được đặt ra từ bài viết trên.

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn trích và rút ra vấn đề được nhắc tới.

Nêu suy nghĩ của bản thân về vấn đề đó

Lời giải chi tiết:

Vấn đề được đặt ra trong tác phẩm: Người tử tế

1. Giới thiệu vấn đề

2. Giải thích

- Người tử tế: người tử tế là người thật thà, ngay thẳng, không gian dối, làm việc bằng chính sức lao động của mình, không trộm cắp, ...

3. Bàn luận

- Biểu hiện lối sống tử tế:

+ Tôn trọng những người xung quanh.

+ Giúp đỡ những người bị nạn

+ Sống thành thật, không gian dối

+ Sống yêu thương, hòa đồng

+ ...

- Tác dụng lối sống tử tế:

- + Xã hội văn minh, tốt đẹp hơn.
- + Bản thân được thanh thản, hạnh phúc
- Phê phán những kẻ lừa lọc, dối trá, ...

4. Tổng kết vấn đề

Phần III:

Bằng lời kể của nhân vật ông Sáu trong truyện ngắn *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng hãy kể lại câu chuyện được về phép thăm nhà cho đến khi bé Thu chèo xuồng bỏ sang nhà ngoại.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện *Chiếc lược ngà* và nhập vai ông Sáu để kể lại

Lời giải chi tiết:

1. Giới thiệu vấn đề

2. Những ngày ngắn ngủi được gặp con

- Lí do được về nghỉ phép
- Cảm xúc trước khi về
- Cảm xúc của ông Sáu khi nhìn thấy con từ xa? Niềm trông ngóng con lao vào ôm mình
- Cảm xúc của ông Sáu khi nhận được phản ứng của con.
- Ba ngày ở nhà ông đã làm gì, bé thu đã phản ứng ra sao.
- Khi con bỏ sang nhà ngoại, ông đã suy nghĩ gì.
- Những suy nghĩ, cảm nhận, thấu hiểu, cảm thông cho con.

3. Tổng kết vấn đề

Lưu ý: lựa chọn ngôi kể phù hợp, kết hợp linh hoạt các phương thức biểu đạt.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 3

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I: (6 điểm)

Trăng là nguồn cảm hứng vô tận cho sáng tác nghệ thuật. Mở đầu khổ thơ trong tác phẩm của mình, một nhà thơ đã viết:

Trăng cứ tròn vành vạnh

Câu 1: Câu thơ trên nằm trong bài thơ nào? Ai là tác giả của bài thơ đó? Hãy chép những câu tiếp theo để hoàn thành khổ thơ có chứa câu thơ trên.

Câu 2: Nêu vài nét về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm trên. Hoàn cảnh sáng tác ấy có mối liên hệ như thế nào với chủ đề của bài thơ.

Câu 3: Dựa vào khổ thơ em vừa chép ở trên, hãy viết một đoạn văn có độ dài khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng – phân – hợp để làm rõ nội dung: *Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vầng trăng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm.* Đoạn văn có sử dụng câu bị động, lời dẫn trực tiếp (Gạch chân, chú thích câu bị động và lời dẫn trực tiếp).

Câu 4: Em hãy chép một câu thơ có hình ảnh trăng trong chương trình Ngữ văn 9 và nêu rõ tên tác phẩm, tác giả.

Phần II (4 điểm)

Đọc đoạn trích dưới đây và thực hiện các yêu cầu bên dưới:

- Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kỹ mới thấy một ngôi sao xa, cháu nghĩ ngay ngôi sao lẻ loi kia một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được. Hướng chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ vất vả nó đ, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai chả “them” ở bác? Minh sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

Câu 1: Nhân vật cháu trong đoạn trích trên là ai? Đoạn trích sử dụng hình thức ngôn ngữ nào? Chỉ ra dấu hiệu hình thức ngôn ngữ đó.

Câu 2: Đọc đoạn trích trên em thấy nhân vật cháu có những phẩm chất gì?

Câu 3: Từ phẩm chất của nhân vật *cháu* trong đoạn trích trên và những hiểu biết về thực tế cuộc sống, em hãy trình bày suy nghĩ về nhiệt huyết của thế hệ trẻ Việt Nam đối với con người và cuộc đời trong giai đoạn hiện nay trong khoảng 2/3 trang giấy thi.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I:

Câu 1.

Câu thơ trên nằm trong bài thơ nào? Ai là tác giả của bài thơ đó? Hãy chép những câu tiếp theo để hoàn thành khổ thơ có chứa câu thơ trên.

Phương pháp:

Đọc kỹ câu thơ, nhớ lại thông tin xuất xứ, tác giả

Lời giải chi tiết:

- Tác phẩm: *Ánh trăng*

- Tác giả: Nguyễn Duy

- Chép thơ: kể chi người vô tình/ ánh trăng im phăng phắc/ đủ cho ta giật mình.

Câu 2.

Nêu vài nét về hoàn cảnh ra đời của tác phẩm trên. Hoàn cảnh sáng tác ấy có mối liên hệ như thế nào với chủ đề của bài thơ.

Phương pháp:

Nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm

Lời giải chi tiết:

- Hoàn cảnh sáng tác: Năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh.

- Mối liên hệ với chủ đề: Là 3 năm sau ngày giải phóng miền Nam, kết thúc chiến tranh giải phóng đất nước. Những người chiến sĩ trở về với đồng bằng, miền xuôi và bị cuốn đi bởi những lo toan tất bật của đời sống thường nhật → không ít người trong số họ lãng quên, bội bạc quá khứ. Tác giả viết bài thơ này như một lời nhắc nhở, tự vấn.

Câu 3.

Dựa vào khổ thơ em vừa chép ở trên, hãy viết một đoạn văn có độ dài khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng – phân – hợp để làm rõ nội dung: *Khổ thơ thể hiện tập trung nhất ý nghĩa biểu tượng của hình ảnh vàng trắng và chiều sâu tư tưởng mang tính triết lí của tác phẩm.* Đoạn văn có sử dụng câu bị động, lời dẫn trực tiếp (Gạch chân, chú thích câu bị động và lời dẫn trực tiếp).

Phương pháp:

Từ nội dung khổ thơ nêu cảm nhận về ý kiến được nhắc tới.

Chú ý hình thức đoạn văn khoảng 10 câu theo cách lập luận tổng – phân - hợp

Lời giải chi tiết:

* Yêu cầu chung

- Đoạn văn khoảng 10 câu.

- Trong đoạn văn có câu bị động và lời dẫn trực tiếp

- Viết đúng, không mắc lỗi diễn đạt, chính tả

*** Yêu cầu cụ thể**

Đảm bảo nội dung sau:

- “*Trăng*”:

+ “*tròn vành vạnh*”: ẩn dụ cho nghĩa tình không bao giờ thay đổi, không bao giờ vơi cạn của nhân dân, đất nước.

+ “*im phăng phắc*”: bao dung, độ lượng và nghiêm khắc → cái im lặng chứa đựng lời nhắc nhở, cảnh báo, thức tỉnh con người.

- Người “*giật mình*” → thức tỉnh:

+ Nhận ra những cám dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ, khiến tâm hồn họ trống rỗng, nghèo nàn.

+ Nhận ra: không được lãng quên quá khứ, không được thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng.

+ Biết trở về nâng niu, trân trọng quá khứ; biết sống ân nghĩa, thủy chung.

→ Với khoảnh khắc giật mình, nhà thơ đã gieo vào lòng người đọc niềm tin và sức sống mãnh liệt của lương tri con người.

Câu 4.

Em hãy chép một câu thơ có hình ảnh trăng trong chương trình Ngữ văn 9 và nêu rõ tên tác phẩm, tác giả.

Phương pháp:

Nhớ lại bài thơ có sử dụng hình ảnh trăng trong chương trình Ngữ văn 9 và chép lại

Lời giải chi tiết:

- Câu thơ: Đầu súng trăng treo.
- Tác giả: Chính Hữu
- Tác phẩm: *Đồng chí*

Phần II.**Câu 1.**

Nhân vật cháu trong đoạn trích trên là ai? Đoạn trích sử dụng hình thức ngôn ngữ nào? Chỉ ra dấu hiệu hình thức ngôn ngữ đó.

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

- Tên nhân vật: anh thanh niên
- Hình thức ngôn ngữ: đối thoại
- Dấu hiệu: dấu gạch đầu dòng đánh dấu lời nói trực tiếp

Câu 2.

Đọc đoạn trích trên em thấy nhận vật cháu có những phẩm chất gì?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích, chú ý các chi tiết về nhân vật cháu

Lời giải chi tiết: Phẩm chất của anh thanh niên:

- Có quan niệm đúng đắn về công việc: ta với việc là một đôi, không thấy cô đơn, lẻ loi.

- Anh không lẻ loi, đơn độc mà tìm thấy những người bạn đồng hành trên con đường mình đã chọn: ông kĩ sư vườn rau Sa Pa, anh cán bộ địa chất lập bản đồ sét

- Yêu công việc của mình

- Lối sống đẹp, có tinh thần trách nhiệm cao.

Câu 3.

Từ phẩm chất của nhân vật *cháu* trong đoạn trích trên và những hiểu biết về thực tế cuộc sống, em hãy trình bày suy nghĩ về nhiệt huyết của thế hệ trẻ Việt Nam đối với con người và cuộc đời trong giai đoạn hiện nay trong khoảng 2/3 trang giấy thi.

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

Bài văn cần đảm bảo một số nội dung sau:

- Nhiệt huyết là lòng đam mê, hăng say khi thực hiện một công việc nào đó

⇒ Lòng nhiệt huyết là yếu tố cần thiết để giúp chúng ta thành công đặc biệt là thế hệ trẻ

- Ý nghĩa của lòng nhiệt huyết:

+ Động lực thôi thúc ta không ngừng cố gắng.

+ Là động lực giúp ta vượt qua mọi khó khăn, thử thách

+ Giúp ta vươn đến thành công

+ Thúc đẩy xã hội phát triển

+ ...

- Dẫn chứng

- Mở rộng:

+ Bên cạnh đó vẫn còn những kẻ sống hời hợt không có mục tiêu, không có nhiệt huyết phấn đấu

+ Những kẻ như vậy dễ dàng thất bại, và là một trong những yếu tố khiến xã hội thụt lùi

- Liên hệ bản thân

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 4

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

PHẦN I (6 điểm)

Đọc kĩ những câu thơ sau và trả lời câu hỏi:

Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cái gì rưng rưng

như là đồng là bể

như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giặt mình”

Câu 1: Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, em hãy giới thiệu về bài thơ có đoạn trích trên?

Câu 2: Tại sao có thể nói các câu thơ trên có hình thức độc thoại nội tâm? Cho biết vai trò của hình thức đó trong đoạn trích

Câu 3: Hãy chỉ rõ những từ láy được dùng trong các câu thơ trên và tác dụng của việc dùng các từ láy đó.

Câu 4: Cần hiểu như thế nào về hai từ “mặt” được sử dụng trong câu thơ “Ngửa mặt lên nhìn mặt”?

PHẦN II (4 điểm)

Câu 1: Phần kết của *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ đã sử dụng những yếu tố kì ảo nào?

Câu 2: Em hãy cho biết ý nghĩa của các yếu tố kì ảo đó

Câu 3: Từ nhân vật Vũ Nương, em suy nghĩ gì về số phận người phụ nữ phong kiến

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I:

Câu 1.

Bằng đoạn văn khoảng 8 câu, em hãy giới thiệu về bài thơ có đoạn trích trên?

Phương pháp:

Nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm có chứa đoạn trích trên

Lời giải chi tiết:

Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:

Tác giả:

- Nguyễn Duy là nhà thơ quân đội trưởng thành trong cuộc kháng chiến chống Mỹ.
- Thơ Nguyễn Duy cuốn hút người đọc bằng cảm xúc chân thành, vẻ đẹp giản dị, gần gũi.
- Thơ ông giàu chất triết lí, thiên về chiều sâu nội tâm với những trăn trở, day dứt, suy tư về con người và cuộc sống.

Tác phẩm:

- Năm 1978, tại Thành phố Hồ Chí Minh:
- + Là 3 năm sau ngày giải phóng miền Nam, kết thúc chiến tranh giải phóng đất nước. Những người chiến sĩ trở về với đồng bằng, miền xuôi và bị cuốn đi bởi những lo toan tất bật của đời sống thường nhật -> không ít người trong số họ lãng quên, bội bạc quá khứ.
- + Nguyễn Duy viết “*Ánh trăng*” như lời tâm sự, tự nhắc nhở, tự vấn...
- In trong tập “*Ánh trăng*” (1984) - tập thơ được giải A của Hội Nhà văn Việt Nam năm đó.

Câu 2.

Tại sao có thể nói các câu thơ trên có hình thức độc thoại nội tâm? Cho biết vai trò của hình thức đó trong đoạn trích

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn thơ, chú ý lời thơ

Lời giải chi tiết:

- Đoạn thơ thuộc hình thức độc thoại nội tâm vì: đây là những lời tâm sự trong lòng tác giả, không được phát ra thành lời
- Tác dụng: cho thấy những trăn trở, day dứt của người thi nhân khi đối mặt với vầng trăng. Nhận ra sự bội bạc của mình với quá khứ thủy chung tình nghĩa.

Câu 3.

Hãy chỉ rõ những từ láy được dùng trong các câu thơ trên và tác dụng của việc dùng các từ láy đó.

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về từ láy để xác định

Lời giải chi tiết:

- Từ láy: *rung rung, vành vạnh, phăng phắc*

- Tác dụng:

+ “*Rung rung*”: là những cảm xúc đang ứa về trong giây phút con người nhận ra vàng trắng tri kỉ của đời mình → để rồi thức tỉnh.

+ “*tròn vành vạnh*”: ẩn dụ cho nghĩa tình không bao giờ thay đổi, không bao giờ vơi cạn của nhân dân, đất nước.

+ “*im phăng phắc*”: bao dung, độ lượng và nghiêm khắc → cái im lặng chứa đựng lời nhắc nhở, cảnh báo, thức tỉnh con người.

Câu 4.

Cần hiểu như thế nào về hai từ “*mặt*” được sử dụng trong câu thơ “*Ngửa mặt lên nhìn mặt*”?

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về từ đồng âm và ý nghĩa nghệ thuật của câu thơ

Lời giải chi tiết:

- Từ “*mặt*” thứ nhất là mặt người

- Từ “*mặt*” thứ hai là mặt trăng

Phần II.

Câu 1.

Phân kết của *Chuyện người con gái Nam Xương*, Nguyễn Dữ đã sử dụng những yếu tố kì ảo nào?

Phương pháp:

Nhớ lại đoạn kết của truyện

Lời giải chi tiết:

Yếu tố kì ảo:

- Phan Lang nằm mộng – thả rùa – được cứu – gặp Vũ Nương dưới thủy cung – rẽ nước tìm về dương gian.

- Vũ Nương hiện lên lộng lẫy ở sông Hoàng Giang rồi biến mất.

Câu 2.

Em hãy cho biết ý nghĩa của các yếu tố kì ảo đó

Phương pháp:

Nhớ lại các yếu tố kì ảo xuất hiện trong truyện và nêu ý nghĩa

Lời giải chi tiết:

- Làm cho câu chuyện sinh động, hấp dẫn người đọc.

- Làm hoàn chỉnh tô đậm nét đẹp vốn có của Vũ Nương: Nặng tình nghĩa, coi trọng nhân phẩm, vị tha mặc dù ở thế giới khác vẫn quan tâm đến chồng con, vẫn luôn muốn khôi phục danh dự.

- Tạo nét kết thúc phần nào có hậu về mơ ước ngàn đời của nhân dân về việc ở hiện gặp lành.

Câu 3.

Từ nhân vật Vũ Nương, em suy nghĩ gì về số phận người phụ nữ phong kiến

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của bản thân

Lời giải chi tiết:

- Họ mang trong mình những vẻ đẹp cả hình thức và tâm hồn: hiếu thảo, tiết hạnh, thủy chung, đảm đang, ...

- Số phận bất hạnh:

+ Không được tự quyết định đời mình, bị lệ thuộc

+ Bị lễ giáo hà khắc chèn ép đến bước đường cùng

+ Chế độ nam quyền độc đoán, tước đoạt hạnh phúc của họ.

+ ...

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 5**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****PHẦN I (4.5 điểm)**

Cho câu sau:

Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật trích từ tập thơ Việt Bắc được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Pháp

Câu 1: Sửa lỗi kiến thức trong câu trên**Câu 2:** Giải thích nhan đề

Câu 3: Trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* có câu thơ “*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi*”. Hình ảnh bắt tay qua cửa kính vỡ gợi cho em nhớ đến câu thơ nào trong chương trình Ngữ văn 9 viết về đề tài người lính. Chép lại chính xác câu thơ đó, nêu rõ tên tác phẩm, tác giả.

Câu 4: Hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau trong cách miêu tả cảm xúc của lính. Miêu tả hành động ấy, tác giả muốn nói gì về tình đồng chí, đồng đội

PHẦN II (5.5 điểm)

Hồi chưa vào nghề, những đêm bầu trời đen kịt, nhìn kĩ mới thấy một ngôi sao xa, cháu nghĩ ngay ngôi sao lẻ loi kia một mình. Bây giờ làm nghề này cháu không nghĩ như vậy nữa. Và khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được. Huống chi việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em, đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi, cháu buồn đến chết mất. Còn người thì ai chả “them” ở bác? Minh sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc? Đấy, cháu tự nói với cháu thế đấy.

(Trích Ngữ văn 9, tập một, NXB Giáo dục)

Câu 1. Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai? Lời nói đó được nói trong hoàn cảnh nào. Hình thức ngôn ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích? Dấu hiệu giúp em nhận ra điều ấy?

Câu 2. Câu văn: “*Mình sinh ra là gì, mình để ở đâu, mình vì ai mà làm việc*” giúp em hiểu gì về nhân vật trong truyện

Câu 3. Trình bày cảm nhận của em về nhân vật “cháu” được nói đến bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu, trong đó có sử dụng một câu ghép.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

PHẦN I:

Câu 1.

Sửa lỗi kiến thức trong câu trên

Phương pháp:

Đọc và chỉ ra lỗi sai

Lời giải chi tiết:

Bài thơ về tiểu đội xe không kính của Phạm Tiến Duật trích từ tập thơ *Vàng trăng quầng lửa* được sáng tác trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

Câu 2.

Giải thích nhan đề

Phương pháp:

Đọc kĩ nhan đề kết hợp nội dung bài thơ

Lời giải chi tiết:

- “*Bài thơ*”: chất thơ toát lên từ hiện thực cuộc sống và chiến đấu của người lính lái xe Trường Sơn.

- “*Tiểu đội xe không kính*”:

+ Là một hiện tượng phổ biến trên tuyến đường Trường Sơn.

+ Gọi hiện thực chiến tranh ác liệt và vẻ đẹp của người lính dũng cảm, giàu ý chí.

⇒ Vừa thể hiện được hiện thực nóng hổi nơi chiến trường, vừa tô đậm chất thơ của cuộc đời người lính.

Câu 3.

Trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* có câu thơ “*Bắt tay nhau qua cửa kính vỡ rồi*”. Hình ảnh bắt tay qua cửa kính vỡ gợi cho em nhớ đến câu thơ nào trong chương trình Ngữ văn 9 viết về đề tài người lính. Chép lại chính xác câu thơ đó, nêu rõ tên tác phẩm, tác giả.

Phương pháp:

Nhớ lại tác phẩm có sử dụng hình ảnh bắt tay qua cửa kính vỡ và chép lại câu thơ đó

Lời giải chi tiết:

- Câu thơ: *Thương nhau tay nắm lấy bàn tay*

- Tác phẩm: *Đồng chí*

- Tác giả: Chính Hữu

Câu 4.

Hãy chỉ ra điểm giống và khác nhau trong cách miêu tả cảm xúc của lính. Miêu tả hành động ấy, tác giả muốn nói gì về tình đồng chí, đồng đội

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

- Giống nhau: cái bắt tay tiếp thêm sức mạnh, tinh thần chiến đấu

- Khác nhau:

+ Cái nắm tay trong bài *Đồng chí* là của những người nông dân áo lính, cùng nắm tay nhau vượt qua mọi khó khăn, thiếu thốn về vật chất

+ Cái bắt tay của người lính trong *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* thể hiện sự ung dung, lạc quan, ...

⇒ Qua đó khẳng định tình đồng chí, đồng đội thắm thiết, sâu nặng

PHẦN II:

Câu 1.

Đoạn văn trên là lời của ai nói với ai? Lời nói đó được nói trong hoàn cảnh nào. Hình thức ngôn ngữ nào được sử dụng trong đoạn trích? Dấu hiệu giúp em nhận ra điều ấy?

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn văn

Lời giải chi tiết:

- Lời của anh thanh niên nói với bác họa sĩ
- Hoàn cảnh: cuộc trò chuyện của anh thanh niên với bác họa sĩ khi bác lên thăm nhà của anh trên đỉnh Yên Sơn
- Hình thức ngôn ngữ: Đối thoại
- Dấu hiệu: Bắt đầu bằng gạch đầu dòng, báo hiệu lời nói đối thoại trong cuộc giao tiếp.

Câu 2.

Câu văn: “*Mình sinh ra là gì, mình ở ở đâu, mình vì ai mà làm việc*” giúp em hiểu gì về nhân vật trong truyện.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện

Lời giải chi tiết:

- Anh thanh niên là người: Anh đã có những suy nghĩ thật đúng, thật giản dị mà sâu sắc về công việc, về cuộc sống. Có lẽ đây là những tâm sự chân thành và sâu sắc nhất của anh: "...mình vì ai mà làm việc". Dù đang một mình nhưng anh tự hiểu mình đang cùng với bao nhiêu người khác làm việc, làm việc vì con người, vì cuộc sống, nên không còn thấy cô đơn nữa.

Câu 3.

Trình bày cảm nhận của em về nhân vật "cháu" được nói đến bằng một đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu, trong đó có sử dụng một câu ghép.

Phương pháp:

Nêu cảm nhận của em.

Chú ý hình thức đoạn văn diễn dịch khoảng 10 câu

Lời giải chi tiết:**Yêu cầu:**

- Đoạn văn khoảng 10 câu
- Trong đoạn văn sử dụng câu ghép
- Không mắc lỗi chính tả, lỗi diễn đạt

Yêu cầu nội dung:

Đoạn văn cần đảm bảo các ý

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm, nhân vật anh thanh niên
- Cảm nhận về vẻ đẹp nhân vật:
 - + Hoàn cảnh sống, làm việc
 - + Phẩm chất tốt đẹp:

- . Có tinh thần trách nhiệm với công việc. Yêu công việc
 - . Lý tưởng sống cao đẹp
 - . Xây dựng cho bản thân cuộc sống văn minh, làm giàu tri thức cho mình
 - . Là con người cởi mở, khiêm tốn luôn biết quan tâm đến những người xung quanh.
- Tổng kết.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 6

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. ĐỌC HIỂU (4.0 điểm)

Đọc kỹ văn bản sau và thực hiện yêu cầu:

(1) Công nghệ hiện đại đã làm thay đổi cuộc sống của con người cả về vật chất lẫn tinh thần, mang lại những trải nghiệm mới mẻ với vô số tiện ích giúp tìm kiếm, nắm bắt thông tin một cách nhanh chóng và dễ dàng song cũng có những mặt trái nhất định.

(2) Công nghệ có sức ảnh hưởng mạnh mẽ đến mọi mặt của đời sống con người. Đó là sự xuất hiện của những chiếc điện thoại thông minh, máy nghe nhạc, máy tính xách tay, máy tính bảng ... và từ đó Internet cũng được kết nối ở mọi nơi: từ quán cà phê, quán ăn, nhà hàng, khách sạn đến các tụ điểm công cộng ...

(3) Đối với giới trẻ ngày nay, việc sử dụng công nghệ là thường xuyên, như một phần không thể thiếu. Vào mạng để làm việc, học tập, tìm kiếm thông tin; ngoài ra còn trao đổi, thảo luận, bày tỏ ý kiến và học hỏi kinh nghiệm khi tham gia các diễn đàn ... Việc chia sẻ buồn vui trên

blog, các trang mạng xã hội đang trở thành “con sói”. Tuy nhiên, bên cạnh những tiện ích thiết thực mà công nghệ hiện đại mang lại thì việc giới trẻ lạm dụng và bị phụ thuộc vào những sản phẩm công nghệ hiện đại cũng đang là một thực trạng đáng bàn. Nhiều bạn trẻ dành phần lớn thời gian sử dụng điện thoại, ipad, máy vi tính để tán gẫu, xem phim, nghe nhạc, chơi những trò chơi trực tuyến. Thay vì như trước đây, giới trẻ dành nhiều thời gian cho đọc sách, gặp gỡ trực tiếp bạn bè để cùng nhau làm bài tập nhóm, trò chuyện, vui chơi, ... thì bây giờ lại gặp nhau qua màn hình máy tính, smartphone, ... - một thế giới ảo. Việc đó vô tình khiến chúng ta dần đánh mất những bản năng vốn có của con người. Đến khi phải đối mặt với thế giới thực tại lại thấy xa lạ, khó hòa nhập.

(Theo duonggc.v.wordpress.com)

Câu 1. Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản

Câu 2: Tìm từ trái nghĩa của các từ: nhanh chóng, dễ dàng, mạnh mẽ, thật.

Câu 3: Nội dung chính của văn bản

Câu 4: Tìm các từ thành một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng đó, trong đoạn (2)

Câu 5: Em hiểu thế nào là thế giới ảo?

II. LÀM VĂN (6.0 điểm)

Chọn một trong hai đề.

Đề 1: Thuyết minh về một nghề thủ công hoặc đặc sản quê em.

Đề 2: Cảm nhận của em về tâm trạng Thúy Kiều qua đoạn trích của Nguyễn Du:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,

Ầm ầm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

(Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD)

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. ĐỌC - HIỂU

Câu 1.

Xác định phương thức biểu đạt chính của văn bản

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn văn

Lời giải chi tiết:

- Phương thức: Nghị luận

Câu 2.

Tìm từ trái nghĩa của các từ: nhanh chóng, dễ dàng, mạnh mẽ, thật.

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về từ trái nghĩa

Lời giải chi tiết:

- Trái nghĩa với “nhanh chóng”: chậm chạp
- Trái nghĩa với “dễ dàng”: khó khăn
- Trái nghĩa với “mạnh mẽ”: yếu đuối
- Trái nghĩa với “ảo”: thật

Câu 3.

Nội dung chính của văn bản

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn văn

Lời giải chi tiết:

- Nội dung chính: Công nghệ hiện đại đối với cuộc sống con người

Câu 4.

Tìm các từ thành một trường từ vựng và đặt tên cho trường từ vựng đó, trong đoạn (2)

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về trường từ vựng

Lời giải chi tiết:

- Trường từ vựng công nghệ: điện thoại thông minh, máy nghe nhạc, máy tính xách tay, máy tính bảng

Câu 5.

Em hiểu thế nào là thế giới ảo?

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của em

Lời giải chi tiết:

- Thế giới ảo: là một mạng lưới xã hội của các cá nhân tương tác thông qua các phương tiện truyền thông cụ thể, có khả năng vượt qua những ranh giới địa lý và chính trị để theo đuổi lợi ích, hay mục tiêu chung.

II. LÀM VĂN**Đề 1:**

Thuyết minh về một nghề thủ công hoặc đặc sản quê em.

Phương pháp: phân tích, số liệu, so sánh, liệt kê, ...

Cách giải:**Yêu cầu chung:**

- Làm đúng kiểu bài: thuyết minh về một đồ vật.
- Bài viết hoàn chỉnh, có đủ ba phần, bố cục mạch lạc.
- Biết vận dụng các phương pháp thuyết minh và một số phương thức biểu đạt để làm nổi bật đặc điểm của đối tượng thuyết minh.
- Không mắc các loại lỗi chính tả, dùng từ, ngữ pháp thông thường.
- Trình bày sạch đẹp.

Yêu cầu riêng:

1. Mở bài: Giới thiệu về nón lá

2. Thân bài

* *Khái quát*

- Nón lá có hình chóp

- Là vật dụng gắn liền với các mẹ, các chị

- Là một vật dụng hữu ích trong cuộc sống

* Chi tiết

- Nguồn gốc: Từ 2500 - 3000 năm về trước công nguyên, hình ảnh chiếc nón lá được chạm khắc trên trống đồng Ngọc Lũ, Trống Đồng Đông Sơn, trên thạp đồng Đào Thịnh.

- Cấu tạo nón lá:

+ Nón lá thường có hình chóp hay tù.

+ Lá nón được xếp trên một cái khung gồm các nan tre nhỏ uốn thành hình vòng cung, được ghim lại bằng sợi chỉ, hoặc các loại sợi tơ tằm, ... giữ cho lá với khung bền chắc.

+ Nón lá thường được đan bằng các loại lá khác nhau như lá cọ, lá nón, lá buông, rom, tre, lá cối, lá hồ, lá du quy điệp chuyên làm nón v.v...

+ Nón lá thường có dây đeo làm bằng vải mềm hoặc nhung, lụa để giữ trên cổ.

- Cách làm nón:

+ Xử lí lá nón

+ Làm khung nón

+ Làm nón

- Phân loại nón

+ Nón ngựa hay nón Gò Găng: Nón này được sản xuất ở Bình Định, nón được làm từ lá dứa, thường dùng khi đội đầu cưới ngựa.

+ Nón quai thao: Được người Bắc sử dụng khi đi lễ hội.

+ Nón bài thơ: Được sản xuất từ Huế

+ Nón dẫu

+ Nón rơm

+ Nón cời

* *Công dụng*

- Trong cuộc sống thường ngày: Che nắng, mưa, làm quạt mát,

- Trong nghệ thuật: Dùng để múa, vẽ,

- Trong giá trị tinh thần: Nón là một vật dùng để làm quà, hay quảng bá về văn hóa Việt Nam với các du khách.

3. Kết bài: Nêu ý nghĩa và cảm nghĩ về nón lá.

Đề 2:

Cảm nhận của em về tâm trạng Thúy Kiều qua đoạn trích của Nguyễn Du:

Buồn trông cửa bể chiều hôm,

Thuyền ai thấp thoáng cánh buồm xa xa?

Buồn trông ngọn nước mới sa

Hoa trôi man mác biết là về đâu?

Buồn trông nội cỏ rầu rầu,

Chân mây mặt đất một màu xanh xanh

Buồn trông gió cuốn mặt duềnh,

Âm âm tiếng sóng kêu quanh ghế ngồi

(Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD)

Phương pháp: phân tích, số liệu, so sánh, liệt kê, ...

Lời giải chi tiết:

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề

2. Thân bài

* Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình là mượn cảnh vật để gửi gắm (ngụ) tâm trạng. Cảnh không đơn thuần là bức tranh thiên nhiên mà còn là bức tranh tâm trạng. Cảnh chỉ là phương tiện, còn mục đích chủ yếu là miêu tả, biểu đạt tâm trạng.

* Nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tác phẩm:

+ Tám câu thơ là ngoại cảnh mà cũng là tâm cảnh. Mỗi cảnh khơi gợi một nỗi buồn và nỗi buồn tác động lại cảnh khiến cảnh mỗi lúc một buồn hơn và nỗi buồn ngày một mãnh liệt hơn. Mỗi cặp lục bát là một cảnh, tám câu thơ tạo thành bộ tứ bình cảnh sắc – tâm trạng độc đáo.

+ Lần lượt phân tích từng cảnh:

+ + Cảnh chiều tà bên bờ biển với cánh buồm thấp thoáng gợi nỗi cô đơn, nỗi nhớ nhà trong cảnh tha hương.

+ + Cảnh “*hoa trôi man mác*” gợi nỗi xót xa cho duyên phận, số phận nổi nênh, vô định.

“*Nội cỏ rầu rầu*” gợi nỗi buồn chán, vô vọng.

+ + Tiếng sóng âm âm gợi nỗi bàng hoàng, lo sợ trước những tai ương đang dồn dập truy đuổi và như sắp đội xuống đời Kiều.

+ Điệp ngữ “*buồn trông*” liên kết bốn cảnh tạo âm hưởng trầm buồn, trở thành điệp khúc của tâm trạng, của khúc ca buồn thảm trong lòng Kiều.

* Vai trò, ý nghĩa của nghệ thuật tả cảnh ngụ tình trong tác phẩm:

- Diễn tả tâm trạng đau khổ của Thúy Kiều.

- Khẳng định tài năng bậc thầy của Nguyễn Du.

3. Kết bài: Suy nghĩ cảm nhận chung về đoạn thơ.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 7

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1: (4.0 điểm)

Đọc đoạn thơ sau và thực hiện các yêu cầu:

Phong phanh ngược trần

dẻo dai vững bền

đan nhau che bão tố

nên cột nên kèo, nên ngàm nên đố

tre ăn đời ở kiếp với người nông dân

Trong trắng lòng, xanh cật, sẵn gân

ngay thẳng cùng trời cuối đất

thương nhau mắt nhìn không chớp

ân tình xòe những bàn tay

(Nguyễn Trọng Hoàn, *Trích Lũy tre*, Tam ca, tr 9 10, NXB Hội nhà văn, 2007)

- Tìm các từ láy trong đoạn thơ trên
- Trong những dòng thơ sau, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để viết về cây tre?

Phong phanh ngược trần

dẻo dai vững bền

đan nhau che bão tố

c. Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ thuộc trường từ vựng tả đặc điểm, phẩm chất cây tre trong hai dòng thơ sau:

Trong trắng lòng, xanh cật, sắn gân

ngay thẳng cùng trời cuối đất

d. Theo em, phẩm chất nào của cây tre trong đoạn thơ trên có nhiều nét tương đồng nhất với con người Việt Nam? Viết một đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của em về phẩm chất ấy.

Câu 2: (6.0 điểm)

Nhập vai nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân để kể lại câu chuyện từ khi nghe tin làng theo Tây đến kết thúc truyện.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1

a. Tìm các từ láy trong đoạn thơ trên

b. Trong những dòng thơ sau, tác giả đã sử dụng biện pháp tu từ nào để viết về cây tre?

Phong phanh ngực trần

đeo đai vững bền

đan nhau che bão tố

c. Chỉ ra và nêu tác dụng của các từ thuộc trường từ vựng tả đặc điểm, phẩm chất cây tre trong hai dòng thơ sau:

Trong trắng lòng, xanh cật, sắn gân

ngay thẳng cùng trời cuối đất

d. Theo em, phẩm chất nào của cây tre trong đoạn thơ trên có nhiều nét tương đồng nhất với con người Việt Nam? Viết một đoạn văn ngắn bày tỏ suy nghĩ của em về phẩm chất ấy.

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn thơ và trả lời các câu hỏi

Lời giải chi tiết:

a. - Từ láy: Phong phanh, *dẻo dai*,

b. - Biện pháp tu từ: nhân hóa.

c. - Trường từ vựng chỉ đặc điểm, phẩm chất của cây tre: *trong trắng, xanh, sần, ngay thẳng*.

- Tác dụng: vừa tả được đặc điểm của cây tre lại vừa gọi liên tưởng đến những phẩm chất đáng quý của con người.

d. - Chỉ ra được phẩm chất tương đồng của cây tre với con người Việt Nam.

- Viết được đoạn văn về phẩm chất ấy với yêu cầu:

+ Đúng hình thức, thể thức một đoạn văn.

+ Giải thích ngắn gọn và nêu vai trò, ý nghĩa của phẩm chất ấy.

Câu 2

Nhập vai nhân vật ông Hai trong truyện ngắn *Làng* của Kim Lân để kể lại câu chuyện từ khi nghe tin làng theo Tây đến kết thúc truyện.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện và nhập vai kể lại các chi tiết sự việc

Lời giải chi tiết:

* Yêu cầu chung

- Biết viết một văn bản tự sự với bố cục 3 phần (mở bài, thân bài, kết bài) cân đối, hợp lí. Chọn đúng ngôi kể theo yêu cầu. Lời kể phù hợp với vai kể, hấp dẫn.

- Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp.

*** Yêu cầu cụ thể**

Học sinh có thể kể theo nhiều cách nhưng cần đảm bảo những yêu cầu sau:

1. Mở bài: Nhân vật “tôi” (ông Hai) tự giới thiệu về bản thân và làng mình.

2. Thân bài

Kể được các sự việc sau:

- Khi nghe tin làng theo Tây.

- Khi về đến nhà.

- Khi trò chuyện cùng vợ và những ngày sau đó

- Khi trò chuyện với con út.

- Khi nghe tin cải chính.

3. Kết bài: Nhân vật “tôi” khẳng định tình cảm yêu làng, yêu nước và luôn ủng hộ kháng chiến.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 8**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. PHẦN TIẾNG VIỆT (2.0 điểm)****Câu 1: (0.5 điểm)**

Vì sao câu thành ngữ: “Ông nói gà, bà nói vịt” vi phạm phương châm quan hệ?

Câu 2: (0.5 điểm)

Thể nào là dẫn trực tiếp?

Câu 3: (0.5 điểm)

Có hai phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ. Đó là những phương thức nào?

Câu 4: (0.5 điểm)

Thuật ngữ có đặc điểm gì?

II. PHẦN VĂN BẢN (3.0 điểm)**Câu 1: (0.5 điểm)**

Từ những hiểu biết về văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* của Lê Anh Trà, em hãy cho biết do đâu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh có được vốn tri thức văn hóa nhân loại sâu rộng?

Câu 2: (1.0 điểm)

Trình bày những giá trị chủ yếu về nội dung của Truyện Kiều

Câu 3: (1.0 điểm)

Ghi lại nguyên văn khổ cuối bài Ánh trăng – Nguyễn Duy

Câu 4: (0.5 điểm)

Đoạn văn sau đây trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

Tôi thì thâm như gọi hồn những người đã khuất: “Đây là lần cuối, là chấm hết mối liên hệ máu mủ bên ngoài, vì không còn gì để con về nữa. Hãy tha lỗi cho con má ơi! Ngoại ơi!”

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN (5.0 điểm)

Kể lại một lần em đã gây ra một việc có lỗi (có sử dụng yếu tố nghị luận, độc thoại, độc thoại nội tâm).

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. PHẦN TIẾNG VIỆT****Câu 1.**

Vì sao câu thành ngữ: “Ông nói gà, bà nói vịt” vi phạm phương châm quan hệ?

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về phương châm hội thoại

Lời giải chi tiết:

Vì hai người không nói chung một đề tài giao tiếp.

Câu 2.

Thế nào là dẫn trực tiếp?

Phương pháp:

Nhớ lại khái niệm về dẫn trực tiếp

Lời giải chi tiết:

Dẫn trực tiếp là nhắc lại nguyên văn lời nói hay ý nghĩ của người hoặc nhân vật; lời dẫn trực tiếp được đặt trong dấu ngoặc kép.

Câu 3.

Có hai phương thức chủ yếu phát triển nghĩa của từ ngữ. Đó là những phương thức nào?

Phương pháp:

Nhớ lại kiến thức về phát triển nghĩa của từ ngữ

Lời giải chi tiết:

- Phương thức ẩn dụ. (0,25 điểm)
- Phương thức hoán dụ. (0,25 điểm)

Câu 4.

Thuật ngữ có đặc điểm gì?

Phương pháp:

Nhớ lại đặc điểm của thuật ngữ

Lời giải chi tiết:

- Mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ. (0,25 điểm).
- Thuật ngữ không có tính biểu cảm. (0,25 điểm)

II. PHẦN VĂN BẢN**Câu 1.**

Từ những hiểu biết về văn bản *Phong cách Hồ Chí Minh* của Lê Anh Trà, em hãy cho biết do đâu mà Chủ tịch Hồ Chí Minh có được vốn tri thức văn hóa nhân loại sâu rộng?

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung văn bản

Lời giải chi tiết:

Học sinh có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần làm rõ được những ý cơ bản sau:

- Nói và viết thông thạo nhiều thứ tiếng nước ngoài. (0,25 điểm)
- Tích cực học hỏi qua công việc, qua lao động; học hỏi, tìm hiểu đến mức sâu sắc. (0,25 điểm)

Câu 2.

Trình bày những giá trị chủ yếu về nội dung của Truyện Kiều

Phương pháp:

Nhớ lại giá trị nội, giá trị nghệ thuật của Truyện Kiều

Lời giải chi tiết:

Học sinh trình bày được giá trị chủ yếu về nội dung của “Truyện Kiều”:

- Giá trị hiện thực: Phản ánh chân thực, sâu sắc bộ mặt tàn bạo của tầng lớp thống trị và số phận những con người bị áp bức đau khổ, đặc biệt là số phận bi kịch của người phụ nữ. (0,5 điểm)
- Giá trị nhân đạo: thể hiện niềm thương cảm trước những đau khổ của con người; lên án những thế lực tàn bạo; đề cao mọi vẻ đẹp, ước mơ, những khát vọng chân chính của con người. (0,5 điểm)

Câu 3.

Ghi lại nguyên văn khổ cuối bài Ánh trăng – Nguyễn Duy

Phương pháp:

Nhớ lại và chép thuộc

Lời giải chi tiết:

Học sinh ghi đúng, đủ khổ thơ cuối trong bài thơ “Ánh trăng” của Nguyễn Duy:

“Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình.”

(Nếu sai 02 lỗi chính tả hoặc sai hay thiếu 1 câu thơ trừ 0,25 điểm)

Câu 4.

Đoạn văn sau đây trích từ văn bản nào? Tác giả là ai?

Tôi thì thâm như gọi hồn những người đã khuất: “Đây là lần cuối, là chấm hết mối liên hệ máu mủ bên ngoại, vì không còn gì để con về nữa. Hãy tha lỗi cho con má ơi! Ngoại ơi!”

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn văn và nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm

Lời giải chi tiết:

- Đoạn văn được trích từ văn bản “Khóc hương cau”. (0,25 điểm)

- Tác giả: Phan Trung Nghĩa. (0,25 điểm)

III. PHẦN TẬP LÀM VĂN

Kể lại một lần em đã gây ra một việc có lỗi (có sử dụng yếu tố nghị luận, độc thoại, độc thoại nội tâm)

Phương pháp:

Nhớ lại một kỉ niệm của bản thân và kể lại

Lời giải chi tiết:

1. Yêu cầu về kĩ năng:

- Đúng thể loại: Tự sự có kết hợp yếu tố nghị luận và độc thoại, độc thoại nội tâm.
- Bố cục đầy đủ, rõ ràng, hợp lí.
- Diễn đạt trôi chảy, có cảm xúc, ít hoặc không mắc lỗi dùng từ, đặt câu.

2. Yêu cầu về kiến thức:

a. Mở bài: (0,75 điểm)

Giới thiệu khái quát câu chuyện được kể.

b. Thân bài: (3,5 điểm)

- Tình huống dẫn đến chuyện có lỗi.
- Câu chuyện diễn ra như thế nào?
- Thái độ của bản thân đối với sự việc đó. Tại sao lại cho là có lỗi?
- Cách cư xử của bản thân trước sự việc có lỗi.
- Kết quả của sự việc.

(Câu chuyện được kể có sử dụng yếu tố nghị luận và độc thoại, độc thoại nội tâm đúng chỗ, hợp lí)

c. Kết bài: (0,75 điểm)

Bài học rút ra từ câu chuyện có lỗi.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 9**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Câu 1 (3,0 điểm)**

a) Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau và cho biết mỗi thành ngữ liên quan đến phương châm hội thoại nào:

Nói băm nói bổ

Nửa úp nửa mở

b) Sau khi học xong các phương châm hội thoại, khi giao tiếp em cần chú ý những gì?

Câu 2:

Đọc đoạn văn sau, thực hiện các yêu cầu a, b:

“Về đến nhà, ông Hai nằm vật ra giường mấy bữa trẻ thấy bố hôm nay có vẻ khác, len lén đưa nhau ra đầu nhà chơi sậm chơi sụi với nhau.

Nhìn lũ con, tủi thân, nước mắt ông lão cứ giàn ra. Chúng nó cũng là trẻ con làng Việt gian đấy ư? Chúng nó cũng bị người ra rả rúng hắt hủi đấy ư? Khốn nạn, bằng ấy tuổi đầu ... Ông lão nắm chặt hai tay lại và rít lên:

- Chúng bay ăn miếng cơm hay miếng gì vào mồm mà đi làm cái giống Việt gian bán nước để nhục nhã thế này.

a. Chỉ ra các phương thức được sử dụng trong đoạn văn

b. Viết câu khái quát nêu lên ý chính của đoạn văn

Câu 3 (5,0 điểm)

Viết bài văn tự sự (có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm) thay lời ông Hai, nhân vật trong truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân, kể lại sự việc từ khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc đến khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc được cải chính.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1:

a) Giải thích nghĩa của các thành ngữ sau và cho biết mỗi thành ngữ liên quan đến phương châm hội thoại nào:

Nói băm nói bổ

Nửa úp nửa mở

b) Sau khi học xong các phương châm hội thoại, khi giao tiếp em cần chú ý những gì?

Phương pháp:

Dựa vào ngữ cảnh và xác định nghĩa của các thành ngữ

Vận dụng kiến thức về phương châm hội thoại

Lời giải chi tiết:

a.

- Nói băm nói bổ: nói bộp chộp, xía xối, thô bạo. (phương châm lịch sự)

- Nửa úp nửa mở: thái độ mập mờ, ỡm ờ, không nói hết ý (phương châm cách thức)

b. Việc sử dụng phương châm hội thoại cần phù hợp với đặc điểm của tình huống giao tiếp (Nói với ai? Nói khi nào? Nói ở đâu? Nói ở đâu? Nói để làm gì?)

Câu 2:

a. Chỉ ra các phương thức được sử dụng trong đoạn văn

b. Viết câu khái quát nêu lên ý chính của đoạn văn

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn trích và rút ra nội dung chính

Lời giải chi tiết:

- a. Phương thức biểu đạt: Tự sự, biểu cảm
- b. Nội dung chính: tâm trạng đầy đau khổ của ông Hai khi nghe tin làng theo Việt gian.

Câu 3:

Viết bài văn tự sự (có sử dụng yếu tố miêu tả, biểu cảm) thay lời ông Hai, nhân vật trong truyện ngắn *Làng* của nhà văn Kim Lân, kể lại sự việc từ khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc đến khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc được cải chính.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung văn bản, kể lại kể lại sự việc từ khi nghe tin làng Chợ Dầu theo giặc đến khi nghe tin làng chợ Dầu theo giặc được cải chính.

Lời giải chi tiết:

1. Giới thiệu chung

- Tác giả
- Tác phẩm
- Nội dung phân cần phân tích

2. Phân tích

a. Diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin làng theo tây.

- * Lúc mới nghe tin, ông ngạc nhiên đến bàng hoàng, sững sờ:
- * Từ giây phút đó, ông chìm vào tâm trạng hoang mang, đau khổ, sợ hãi:
 - Ông lảng ra chỗ khác rồi về thẳng nhà, nằm vật ra giường chứ không chạy sang hàng xóm khoe làng như thường lệ.

- Ông lo lắng, xót xa, trằn trọc cả đêm:

+ Cho số phận của những đứa con sẽ bị khinh bỉ, hắt hủi vì là trẻ con làng Việt gian;

+ Cho bao nhiêu người làng ở nơi tản cư.

+ Cho tương lai cả gia đình.

- Ông sợ hãi khi phải đối diện với cuộc sống xung quanh:

+ Không dám bước chân ra khỏi nhà.

+ Không dám nói chuyện với vợ.

+ Mỗi một tiếng động bên ngoài cũng khiến ông hoang mang.

+ Lúc nào cũng nín thở nghe ngóng và chột dạ, nơm nớp.

* Cái tin ấy còn khiến ông day dứt, giằng xé dữ dội:

- Vì: Ông vừa yêu làng, vừa yêu nước, ông buộc phải lựa chọn giữa hai tình cảm ấy.

- Cuộc đấu tranh trong tâm hồn ông được biểu hiện qua cuộc nói chuyện của ông với đứa con nhỏ:

+ Ông khẳng định: “*nhà ta ở làng Chợ Dầu*” → ông muốn con ghi nhớ Chợ Dầu là quê hương, là gốc gác, không được phép quên → là tình cảm gắn bó máu thịt của ông Hai và của hàng triệu người Việt Nam.

+ Ông lựa chọn “*...làng theo Tây thì phải thù*” → tình yêu nước và nhiệt tình ủng hộ kháng chiến của ông Hai.

b. Diễn biến tâm trạng ông Hai khi nghe tin cải chính:

- Tin cải chính đến cùng tin làng bị đốt, nhà ông Hai cũng bị đốt sạch → đây là một mất mát lớn đối với người dân.

- Vậy mà, ông vô cùng sung sướng, hạnh phúc:

- + Chạy khắp nơi để khoe chuyện Tây đốt làng, đốt nhà mình, khoe cái tin làng theo giặc là sai.
 - + Phân khởi mua quà về chia cho các con.
 - + Định nuôi lợn để ăn mừng.
 - + Ông như được hồi sinh: lại nhanh nhẹn, sôi nổi, thích nói chuyện với mọi người xung quanh.
- Cội nguồn của sự thay đổi tâm trạng của ông vẫn là tình yêu làng, yêu nước.

3. Tổng kết

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 10

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Đọc đoạn thơ sau:

Từ hồi về thành phố

quen ánh điện, cửa gương

vàng trắng đi qua ngõ

như người dưng qua đường

Thình lình đèn điện tắt

phòng buyn đình tối om

vội bật tung cửa sổ

đột ngột vàng trắng tròn.

Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cái gì rưng rưng

như là đồng, là bể

như là sông, là rừng.

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình...

Câu 1: (1.0 điểm)

Những khổ thơ trên trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả và năm sáng tác tác phẩm đó?

Câu 2: (1.0 điểm)

Ghi lại các từ láy có trong khổ thơ thứ hai của đoạn trích, cho biết những từ đó thể hiện điều gì?

Câu 3: (1.0 điểm)

Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển, phương thức chuyển nghĩa của từ “mặt” trong câu thơ “*Ngửa mặt lên nhìn mặt*”

Câu 4: (2.0 điểm)

Viết đoạn văn (7 đến 10 dòng) nêu bài học em rút ra được qua tác phẩm có đoạn trích trên, trong đó có câu văn: “*Bài thơ không chỉ là chuyện của riêng nhà thơ, chuyện của một người mà còn có ý nghĩa với nhiều người*” làm lời dẫn trực tiếp.

Câu 5: (5.0 điểm)

Chuyển nội dung đoạn thơ trên thành một câu chuyện theo lời kể của người lính.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1:

Những khổ thơ trên trích từ tác phẩm nào? Cho biết tên tác giả và năm sáng tác tác phẩm đó?

Phương pháp:

Nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm

Lời giải chi tiết:

- Tác phẩm: Ánh trăng
- Tác giả: Nguyễn Duy
- Năm sáng tác: 1978

Câu 2:

Ghi lại các từ láy có trong khổ thơ thứ hai của đoạn trích, cho biết những từ đó thể hiện điều gì?

Phương pháp:

Đọc kĩ và xác định từ láy

Lời giải chi tiết:

- Từ láy: thành linh, đột ngột

- Tác dụng: Nhấn mạnh sự việc bất ngờ, không lường trước. Đồng thời đây cũng là sự kiện đánh dấu sự chuyển đổi mạch cảm xúc của nhà thơ.

Câu 3:

Xác định nghĩa gốc, nghĩa chuyển, phương thức chuyển nghĩa của từ “mặt” trong câu thơ “*Giữa mặt lên nhìn mặt*”

Phương pháp:

Đọc kĩ và xác định

Lời giải chi tiết:

Từ mặt (1): Nghĩa gốc – mặt người.

Từ mặt (2): Nghĩa chuyển – mặt trăng.

Phương thức chuyển nghĩa: Ẩn dụ

Câu 4:

Viết đoạn văn (7 đến 10 dòng) nêu bài học em rút ra được qua tác phẩm có đoạn trích trên, trong đó có câu văn: “*Bài thơ không chỉ là chuyện của riêng nhà thơ, chuyển của một người mà còn có ý nghĩa với nhiều người*” làm lời dẫn trực tiếp.

Phương pháp:

Từ nội dung rút ra bài học em học được qua tác phẩm có đoạn trích trên.

Chú ý hình thức đoạn văn 7-10 dòng

Lời giải chi tiết:

- Bài học được rút ra: lối sống tình nghĩa, thủy chung, “Uống nước nhớ nguồn” của dân tộc.

- Bàn luận

+ Đây là truyền thống tốt đẹp của ông cha ta.

- + Luôn ghi nhớ công ơn những người đi trước để lại, phải có thái độ hàm ơn quá khứ.
- + Có những hành động thiết thực đền đáp công ơn với những người đã hi sinh, cống hiến cho thành quả mình hưởng thụ.
- + Phê phán lối sống thờ ơ, vô trách nhiệm, lãng quên quá khứ.
- Liên hệ bản thân.

Câu 5:

Chuyển nội dung đoạn thơ trên thành một câu chuyện theo lời kể của người lính.

Phương pháp:

Từ nội dung chuyển thành một câu chuyện theo lời kể của người lính

Lời giải chi tiết:

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề

2. Thân bài:

- Tóm tắt khái quát về cuộc sống trước đây.
- Kể về cuộc sống hiện tại
- Cuộc gặp gỡ bất ngờ với ánh trăng (chú ý tình cảm, cảm xúc của nhân vật khi bắt gặp ánh trăng).
- Nhận thấy sự bội bạc của bản thân và sự thủy chung của ánh trăng (nhân dân, cách mạng)

3. Kết bài: Ý nghĩa, bài học rút ra.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 11**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Câu 1: (2.0 điểm)**

Cho câu thơ: “Trăng cứ tròn vành vạnh”

- Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo để kết thúc khổ thơ
- Cho biết tên tác giả, tên bài thơ
- Nêu chủ đề và khái quát ý nghĩa bài thơ

Câu 2. (2,0 điểm)

- Em hãy nêu những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.
- Giải thích các thành ngữ sau và cho biết những thành ngữ này có liên quan đến phương châm hội thoại nào: *nói băm nói bổ; nửa úp nửa mở.*

Câu 3. (6.0 điểm)

Hãy tưởng tượng em gặp gỡ và trò chuyện với bé Thu trong đoạn trích “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Câu 1:**

Cho câu thơ: “Trăng cứ tròn vành vạnh”

- Chép chính xác ba câu thơ tiếp theo để kết thúc khổ thơ

b. Cho biết tên tác giả, tên bài thơ

c. Nêu chủ đề và khái quát ý nghĩa bài thơ

Phương pháp:

Nhớ lại bài thơ Ánh trăng.

Nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm và chủ đề, nội dung, ý nghĩa bài thơ

Lời giải chi tiết:

a.

kẻ chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

b.

- Tác phẩm: *Ánh trăng*

- Tác giả: Nguyễn Duy

c.

- Chủ đề: Thông qua hình tượng nghệ thuật "Ánh trăng" và cảm xúc của nhà thơ, bài thơ đã diễn tả những suy ngẫm sâu sắc về thái độ của con người đối với quá khứ gian lao, tình nghĩa.

- Ý nghĩa: gợi nhắc, củng cố ở người đọc thái độ sống "uống nước nhớ nguồn", ân nghĩa thủy chung cùng quá khứ.

Câu 2:

a) Em hãy nêu những trường hợp không tuân thủ phương châm hội thoại.

b) Giải thích các thành ngữ sau và cho biết những thành ngữ này có liên quan đến phương châm hội thoại nào: *nói băm nói bổ; nửa úp nửa mở*.

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về phương châm hội thoại

Lời giải chi tiết:

a.

Không tuân thủ phương châm về:

- Lượng: “Từ lúc tôi mặc cái áo mới này, tôi chẳng thấy con lợn nào chạy qua đây cả”

Thừa thông tin: Từ lúc tôi mặc cái áo mới này

- Chất: ăn ốc nói mò

Nói những điều không có thật, chưa xác minh được đúng sai.

- Quan hệ: Ông nói gà, bà nói vịt

Nói lạc đề tài giao tiếp

- Cách thức: Dây cà ra dây muông

Cách nói lằng ngoằng, không rõ ý tứ.

- Lịch sự: Cậu học dốt lắm

Cách nói thiếu tế nhị với người đối thoại.

b.

- Nói băm nói bổ: nói bộp chộp, xia xói, thô bạo. (Vi phạm phương châm lịch sự)

- Nửa úp nửa mở: thái độ mập mờ, ồm ờ, không nói hết ý (Vi phạm phương châm cách thức)

Câu 3:

Hãy tưởng tượng em gặp gỡ và trò chuyện với bé Thu trong đoạn trích “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện, liên hệ với trí tưởng tượng của bản thân

Lời giải chi tiết:

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề

2. Thân bài

- Tình huống gặp gỡ với bé Thu là gì? (khi bé Thu đã lớn, là một cô giao liên hay khi bé Thu vẫn còn nhỏ)
- Miêu tả đôi nét ấn tượng về ngoại hình.
- Cuộc trò chuyện với nhân vật về cuộc gặp gỡ với cha?
- Nêu lí do chia tay với nhân vật

3. Kết bài: Cảm nghĩ chung về nhân vật

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 12**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU (3.0 điểm)**

Đọc đoạn văn sau và thực hiện các yêu cầu từ 1 đến 4

(1) Lần đầu tiên trong lịch sử Việt Nam và có lẽ là cả thế giới, có một vị Chủ tịch nước lấy chiếc nhà sàn nhỏ bằng gỗ bên cạnh chiếc ao làm “cung điện” của mình. (2) Quả như một câu chuyện thần thoại, như câu chuyện về một vị tiên, một con người siêu phàm nào đó trong truyện cổ tích. (3) Chiếc nhà sàn đó cũng chỉ vẻn vẻn có vài phòng tiếp khách, họp Bộ Chính trị, làm việc và ngủ, với những đồ đạc rất mộc mạc, đơn sơ. (4) Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cùng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ Trường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì. (5) Hàng ngày, việc ăn uống của Người cũng rất đạm bạc, với những món ăn dân tộc không chút cầu kì như cá kho, rau luộc, dưa ghém, cà muối, cháo hoa.

(Trích Phong cách Hồ Chí Minh, Lê Anh Trà, Ngữ văn 9)

Câu 1: Xác định nội dung đoạn văn. Đoạn văn trên gợi em nhớ đến văn bản nào đã học ở lớp 7?

Câu 2: Trong đoạn văn, tác giả đã dẫn lại lời một người khác. Xác định lời dẫn và cho biết cách dẫn mà tác giả sử dụng.

Câu 3: Tác giả đã kết hợp yếu tố biểu cảm qua những câu văn nào trong đoạn? Qua đó, em hiểu nhà văn bộc lộ tình cảm gì đối với Bác?

Câu 4: Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (4) (5).

II. LÀM VĂN (7.0 điểm)

Câu 1: Viết đoạn văn từ 7 đến 10 dòng trình bày cảm nhận của em về hình ảnh “trăng” và “ánh trăng” trong khổ cuối bài Ánh trăng (Nguyễn Duy)

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

Câu 2: Dựa vào phần đầu đoạn trích *Chiếc lược ngà*, hãy đóng vai bé Thu kể lại câu chuyện giữa bé và ba mình trong ba ngày ông Sáu về phép thăm nhà.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1.

Xác định nội dung đoạn văn. Đoạn văn trên gợi em nhớ đến văn bản nào đã học ở lớp 7?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích. Từ nội dung đoạn văn liên hệ đến văn bản có nội dung tương tự

Lời giải chi tiết:

- Nội dung: đức tính giản dị của Bác trong sinh hoạt
- Bài thơ Tức cảnh Pác Bó.

Câu 2.

Trong đoạn văn, tác giả đã dẫn lại lời một người khác. Xác định lời dẫn và cho biết cách dẫn mà tác giả sử dụng.

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về cách dẫn trực tiếp

Lời giải chi tiết:

- Lời dẫn: Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cùng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ TRường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì

- Cách dẫn: gián tiếp

Câu 3.

Tác giả đã kết hợp yếu tố biểu cảm qua những câu văn nào trong đoạn? Qua đó, em hiểu nhà văn bộc lộ tình cảm gì đối với Bác?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

- Câu văn kết hợp yếu tố biểu cảm:
- Tình cảm của tác giả: trân trọng, ngợi ca

Câu 4.

Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (4) (5).

Phương pháp:

Đọc kĩ câu (4), (5) và xác định các biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

- Biện pháp: so sánh (4) và liệt kê (5)
- Tác dụng:
- + Diễn đạt giàu hình ảnh, dễ hiểu
- + Khẳng định vẻ đẹp giản dị trong lối sống của Bác.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Viết đoạn văn từ 7 đến 10 dòng trình bày cảm nhận của em về hình ảnh “trăng” và “ánh trăng” trong khổ cuối bài Ánh trăng (Nguyễn Duy)

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

Phương pháp:

Nêu cảm nhận của em.

Chú ý hình thức đoạn văn từ 7-10 dòng.

Lời giải chi tiết:

Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn thơ cuối

- Cảm nhận:

+ Trăng vẫn tròn vành vạnh thủy chung, không thay đổi.

+ Ánh trăng soi chiếu vào tâm hồn con người khiến con người giật mình thức tỉnh: Nhận ra những cảm dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ, khiến tâm hồn họ trống rỗng, nghèo nàn; Nhận ra: không được lãng quên quá khứ, không được thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng; Biết trở về nâng niu, trân trọng quá khứ; biết sống ân nghĩa, thủy chung.

- Tổng kết

Câu 2:

Dựa vào phần đầu đoạn trích *Chiếc lược ngà*, hãy đóng vai bé Thu kể lại câu chuyện giữa bé và ba mình trong ba ngày ông Sáu về phép thăm nhà.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện, nhập vai bé Thu kể lại

Lời giải chi tiết:**1. Giới thiệu vấn đề****2. Những ngày ngắn ngủi được gặp ba**

- Lần đầu tiên gặp ba cảm xúc bé Thu ra sao?
- Những ngày ba ở nhà bé Thu phản ứng thế nào
- Trước ngày ba lên đường bé Thu có sự thay đổi gì?
- Cảm nghĩ về cha

3. Tổng kết vấn đề

Lưu ý: lựa chọn ngôi kể phù hợp, kết hợp linh hoạt các phương thức biểu đạt.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. ĐỌC HIỂU****Câu 1.**

Xác định nội dung đoạn văn. Đoạn văn trên gợi em nhớ đến văn bản nào đã học ở lớp 7?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích. Từ nội dung đoạn văn liên hệ đến văn bản có nội dung tương tự

Lời giải chi tiết:

- Nội dung: đức tính giản dị của Bác trong sinh hoạt
- Bài thơ Tức cảnh Pác Bó.

Câu 2.

Trong đoạn văn, tác giả đã dẫn lại lời một người khác. Xác định lời dẫn và cho biết cách dẫn mà tác giả sử dụng.

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về cách dẫn trực tiếp

Lời giải chi tiết:

- Lời dẫn: Và chủ nhân chiếc nhà sàn này cùng trang phục hết sức giản dị, với bộ quần áo bà ba nâu, chiếc áo trấn thủ, đôi dép lốp thô sơ như của các chiến sĩ TRường Sơn đã được một tác giả phương Tây ca ngợi như một vật thần kì
- Cách dẫn: gián tiếp

Câu 3.

Tác giả đã kết hợp yếu tố biểu cảm qua những câu văn nào trong đoạn? Qua đó, em hiểu nhà văn bộc lộ tình cảm gì đối với Bác?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

- Câu văn kết hợp yếu tố biểu cảm:
- Tình cảm của tác giả: trân trọng, ngợi ca

Câu 4.

Xác định và nêu tác dụng của các biện pháp tu từ được sử dụng trong câu (4) (5).

Phương pháp:

Đọc kĩ câu (4), (5) và xác định các biện pháp tu từ

Lời giải chi tiết:

- Biện pháp: so sánh (4) và liệt kê (5)

- Tác dụng:

+ Diễn đạt giàu hình ảnh, dễ hiểu

+ Khẳng định vẻ đẹp giản dị trong lối sống của Bác.

II. LÀM VĂN

Câu 1:

Viết đoạn văn từ 7 đến 10 dòng trình bày cảm nhận của em về hình ảnh “trăng” và “ánh trăng” trong khổ cuối bài Ánh trăng (Nguyễn Duy)

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

Phương pháp:

Nêu cảm nhận của em.

Chú ý hình thức đoạn văn từ 7-10 dòng.

Lời giải chi tiết:

Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:

- Giới thiệu tác giả, tác phẩm và đoạn thơ cuối

- Cảm nhận:

+ Trăng vẫn tròn vành vạnh thủy chung, không thay đổi.

+ Ánh trăng soi chiếu vào tâm hồn con người khiến con người giật mình thức tỉnh: Nhận ra những cám dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ, khiến tâm hồn họ trống rỗng, nghèo nàn; Nhận ra: không được lãng quên quá khứ, không được thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng; Biết trở về nâng niu, trân trọng quá khứ; biết sống ân nghĩa, thủy chung.

- Tổng kết

Câu 2:

Dựa vào phần đầu đoạn trích *Chiếc lược ngà*, hãy đóng vai bé Thu kể lại câu chuyện giữa bé và ba mình trong ba ngày ông Sáu về phép thăm nhà.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện, nhập vai bé Thu kể lại

Lời giải chi tiết:

1. Giới thiệu vấn đề

2. Những ngày ngắn ngủi được gặp ba

- Lần đầu tiên gặp ba cảm xúc bé Thu ra sao?

- Những ngày ba ở nhà bé Thu phản ứng thế nào

- Trước ngày ba lên đường bé Thu có sự thay đổi gì?

- Cảm nghĩ về cha

3. Tổng kết vấn đề

Lưu ý: lựa chọn ngôi kể phù hợp, kết hợp linh hoạt các phương thức biểu đạt.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 13

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1: (3.0 điểm)

Cho đoạn văn sau:

Đối với cháu, thật là đột ngột, không ngờ lại là như thế. Chú lái máy bay có nhắc đến bố cháu, ôm cháu mà lắc: “Thế là một - hòa nhé!”. Chưa hòa đâu bác ạ. Nhưng từ hôm ấy cháu sống thật hạnh phúc. O, bác vẽ cháu đấy ư? Không, không, đừng vẽ cháu! Để cháu giới thiệu với bác những người khác đáng cho bác vẽ hơn.

(Trích Ngữ văn 9, tập 1, NXBGD)

- Đoạn văn trên trích trong văn bản nào, của ai?
- Xác định lời dẫn trực tiếp có trong đoạn trích. Nêu dấu hiệu nhận biết?
- Nêu nội dung chính, nghệ thuật đặc sắc của văn bản đó.

Câu 2. (2,0 điểm)

Phát hiện và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ sau bằng một đoạn văn:

Cá nhụ cá chim cùng cá đé.

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc

Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long

(Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận – Ngữ văn 9 tập 1)

Câu 3 (5,0 điểm)

Dựa vào truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, em hãy nhập vai bé Thu kể lại cuộc gặp gỡ éo le mà cảm động của cha con ông Sáu trong ba ngày ông Sáu về thăm nhà.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1:

- a. Đoạn văn trên trích trong văn bản nào, của ai?
- b. Xác định lời dẫn trực tiếp có trong đoạn trích. Nêu dấu hiệu nhận biết?
- c. Nêu nội dung chính, nghệ thuật đặc sắc của văn bản đó.

Phương pháp:

Đọc kỹ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

a.

- Tác phẩm: Lặng lẽ Sa Pa

- Tác giả: Nguyễn Thành Long

b.

- Lời dẫn trực tiếp: “Thế là một - hòa nhé!”

- Dấu hiệu: đặt sau dấu hai chấm và đặt trong dấu ngoặc kép.

c.

- Nội dung: Truyện khắc họa thành công hình ảnh người lao động bình thường, mà tiêu biểu là anh thanh niên làm công tác khí tượng ở một mình trên đỉnh núi cao. Qua đó, truyện khẳng định vẻ đẹp con người lao động và ý nghĩa của những công việc thầm lặng.

- Nghệ thuật: xây dựng tình huống truyện hợp lí, cách kể chuyện tự nhiên, có sự kết hợp giữa tự sự, trữ tình và bình luận.

Câu 2:

Phát hiện và phân tích giá trị của các biện pháp tu từ có trong đoạn thơ sau bằng một đoạn văn:

Cá nhụ cá chim cùng cá đé.

Cá song lấp lánh đuốc đen hồng

Cái đuôi em quẫy trắng vàng chóc

Đêm thơ: sao lùa nước Hạ Long

(Đoàn thuyền đánh cá – Huy Cận – Ngữ văn 9 tập 1)

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn thơ

Lời giải chi tiết:

- Nghệ thuật liệt kê: cá nhụ, cá chim, cá đé để làm nổi bật sự đa dạng, giàu có của biển.

- Nghệ thuật so sánh: cá song lấp lánh đuốc đen hồng khiến biển cả lung linh, đầy sức sống.

- Nghệ thuật nhân hóa ở hai câu cuối, làm nổi bật vẻ đẹp thiên nhiên và làm cho thiên nhiên gần gũi với con người hơn.

⇒ Các biện pháp nghệ thuật đã góp phần làm nổi bật sự giàu có, đẹp đẽ của biển. Biển về đêm nhưng một bức tranh lung linh, đầy màu sắc.

Câu 3:

Dựa vào truyện “Chiếc lược ngà” của Nguyễn Quang Sáng, em hãy nhập vai bé Thu kể lại cuộc gặp gỡ éo le mà cảm động của cha con ông Sáu trong ba ngày ông Sáu về thăm nhà.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện, nhập vai bé Thu kể lại

Lời giải chi tiết:

A. Mở bài

- Giới thiệu bản thân
- Giới thiệu câu chuyện

B. Thân bài

- Từ nhỏ tôi đã không được gặp mặt ba, chỉ biết ba qua tấm ảnh.
- Có một lần mẹ tôi nói ba sắp về tôi vui mừng không tỏ xiết.
- Nhưng đó không phải là ba tôi, ông ấy có một vết sẹo dài trên mặt nhìn thấy sợ.
- Trong những ngày ông ấy ở nhà tôi đều không thích.
- Trong bữa cơm ông ấy gắp cho tôi một miếng trứng cá, tôi đã hất ra khỏi bát khiến cho ông ấy giận đáng tôi một cái.
- Tôi chạy qua nhà ngoại, rồi ngoại mới từ từ khuyên nhủ tôi rằng đó chính là ba của tôi nhưng vì chiến tranh đã khiến cho gương mặt của ông như vậy.
- Sáng hôm sau khi biết tin ba sắp phải đi tôi đã chạy về ôm chầm lấy ba. Tôi không biết đó lại là lần cuối cùng tôi được gặp ba.

C. Kết bài

- Nêu cảm nghĩ

Lưu ý: lựa chọn ngôi kể phù hợp, kết hợp linh hoạt các phương thức biểu đạt.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 14**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Phần I (6.0 điểm):**

Cho câu thơ:

Ngửa mặt lên nhìn mặt

(Ánh trăng— Nguyễn Duy)

Câu 1. Chép 7 câu tiếp theo để hoàn thành đoạn thơ.**Câu 2.** Tìm và chỉ rõ hai biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ em vừa chép và nêu tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung.**Câu 3.** Trong bài nhiều lần nhà thơ nhắc đến “vàng trăng” nhưng ở đoạn thơ em chép và nhan đề thì tác giả lại viết là “ánh trăng”. Hãy lý giải về sự thay đổi đó.**Câu 4.** Như vậy, hai khổ cuối của bài đã tạo nên nét riêng cho thơ về trăng của Nguyễn Duy: trăng thức tỉnh lương tâm ta, đưa ta trở về với cõi thiện lương, với đạo lý sống “uống nước nhớ nguồn” của nhân cách Việt.

Viết đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu làm sáng tỏ đề tài đã nêu ở câu chủ đề trên. Trong đoạn, em sử dụng một câu ghép, một câu có lời dẫn trực tiếp (xác định rõ các câu đó).

Phần II (4.0 điểm):

Cho đoạn văn sau:

“Chắc anh cũng muốn ôm con, hôn con, nhưng hình như cũng lại sợ nó giẫy lên lại bỏ chạy, nên anh chỉ đứng nhìn nó. Anh nhìn với đôi mắt trù mến lẫn buồn rầu. Tôi thấy đôi mắt mênh mông của con bé bỗng xôn xao”

(Chiếc lược ngà - Nguyễn Quang Sáng)

Câu 1. Trong đoạn văn có dùng tình thái từ. Hãy xác định và nêu ý nghĩa của một tình thái từ.

Câu 2. Giới thiệu về các nhân vật “anh”, “con bé” và “tôi ” bằng đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi.

Câu 3. Đọc đoạn văn, ta thấy tác giả đã miêu tả hai đôi mắt. Đó là đôi mắt của những ai? Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của mỗi nhân vật qua đôi mắt của họ.

Câu 4. Tình cảm gia đình là tình cảm gần gũi, bình dị nhưng cũng rất đổi thiêng liêng. Hãy viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về ý thức và trách nhiệm của mỗi người đối với gia đình.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I:

Câu 1.

Chép 7 câu tiếp theo để hoàn thành đoạn thơ.

Phương pháp:

Nhớ lại bài thơ, chép thuộc 7 câu tiếp theo

Lời giải chi tiết:

Ngửa mặt lên nhìn mặt

có cái gì rung rung

như là đồng là bể

như là sông là rừng

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình.

Câu 2.

Tìm và chỉ rõ hai biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong đoạn thơ em vừa chép và nêu tác dụng của chúng trong việc biểu đạt nội dung.

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn thơ vừa chép và xác định biện pháp nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

- Ẩn dụ: từ mặt thứ hai (ngửa mặt lên nhìn mặt)

- Liệt kê: đồng, sông, bể rừng

Câu 3.

Trong bài nhiều lần nhà thơ nhắc đến “vàng trắng” nhưng ở đoạn thơ em chép và nhan đề thì tác giả lại viết là “ánh trăng”. Hãy lý giải về sự thay đổi đó.

Phương pháp:

Nêu đặc sắc nghệ thuật của chi tiết này.

Lời giải chi tiết:

- Vàng trắng là hình ảnh được nhân hóa, trở thành bạn đồng hành của nhân vật trữ tình trong các hoàn cảnh sống khác nhau.

- Ánh trăng là hình ảnh được ẩn dụ, mang ý nghĩa biểu trưng sâu xa cho những vấn đề triết lí, trong đó có sự soi rọi, chiếu sáng, ... giúp con người thức tỉnh

Câu 4.

Như vậy, hai khổ cuối của bài đã tạo nên nét riêng cho thơ về trăng của Nguyễn Duy: trăng thức tỉnh lương tâm ta, đưa ta trở về với cõi thiện lương, với đạo lý sống “uống nước nhớ nguồn” của nhân cách Việt.

Viết đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu làm sáng tỏ đề tài đã nêu ở câu chủ đề trên. Trong đoạn, em sử dụng một câu ghép, một câu có lời dẫn trực tiếp (xác định rõ các câu đó).

Phương pháp:

Từ nội dung hai khổ cuối, nêu suy nghĩ về ý kiến trên.

Chú ý hình thức đoạn văn quy nạp khoảng 12 câu.

Lời giải chi tiết:

Đoạn văn cần đảm bảo các ý sau:

* Được bắt đầu từ khi gặp lại vầng trăng:

- Điệp từ “*mặt*”, lối chuyển nghĩa độc đáo:

+ Diễn tả giây phút soi chiếu, giao hòa giữa con người và vầng trăng.

+ Soi vào trăng để con người nhận ra mình và nhận ra cả sự đổi thay của mình.

- “*Rung rung*”: là những cảm xúc đang ứa về trong giây phút con người nhận ra vầng trăng tri kỉ của đời mình → để rồi thức tỉnh.

- “*Đồng, bể, sông, rừng*”:

+ Xóa đi thời gian, không gian, đưa con người về quá khứ.

+ Kéo trăng và người xích lại gần nhau.

+ Để trăng vẫn vẹn nguyên là tri kỉ.

+ Để con người nhận ra sự nông cạn, thờ ơ, bạc bẽo của chính mình.

* Càng thức tỉnh sâu sắc hơn khi:

- “Trăng”:

+ “tròn vành vạnh”: ẩn dụ cho nghĩa tình không bao giờ thay đổi, không bao giờ vơi cạn của nhân dân, đất nước.

+ “im phăng phắc”: bao dung, độ lượng và nghiêm khắc → cái im lặng chứa đựng lời nhắc nhở, cảnh báo, thức tỉnh con người.

- Người “giật mình” → thức tỉnh:

+ Nhận ra những cám dỗ vật chất khiến con người đánh mất đi những giá trị tinh thần đẹp đẽ, khiến tâm hồn họ trống rỗng, nghèo nàn.

+ Nhận ra: không được lãng quên quá khứ, không được thờ ơ, bội bạc với nghĩa tình sâu nặng, thiêng liêng.

+ Biết trở về nâng niu, trân trọng quá khứ; biết sống ân nghĩa, thủy chung.

→ Với khoảnh khắc giật mình, nhà thơ đã gieo vào lòng người đọc niềm tin và sức sống mãnh liệt của lương tri con người.

Phần II:

Câu 1.

Trong đoạn văn có dùng tình thái từ. Hãy xác định và nêu ý nghĩa của một tình thái từ.

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về tình thái từ

Lời giải chi tiết:

- Tình thái từ: chắc

- Tác dụng: diễn tả thái độ của người nói.

Câu 2.

Giới thiệu về các nhân vật “anh”, “con bé” và “tôi” bằng đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện Chiếc lược ngà, giới thiệu về các nhân vật được nhắc tới

Lời giải chi tiết:

Gợi ý:

- Anh: Ông Sáu

+ Ông Sáu là một người chiến sĩ trong thời kì kháng chiến chống Mỹ.

+ Lấy vợ xong, ông lên đường nhập ngũ, chưa kịp nhìn cả đứa con yêu của mình

+ Ông có tình yêu thương con sâu nặng

- Bé Thu

+ Con của ông Sáu, lên tám tuổi

+ Là một đứa trẻ cá tính

+ Tình yêu thương cha sâu sắc.

- Bác Ba

+ Người đồng chí của anh Sáu

+ Là người trao gửi kỉ vật anh Sáu cho bé Thu sau khi anh Sáu mất

Câu 3.

Đọc đoạn văn, ta thấy tác giả đã miêu tả hai đôi mắt. Đó là đôi mắt của những ai? Nêu cảm nhận của em về tâm trạng của mỗi nhân vật qua đôi mắt của họ.

Phương pháp:

Nêu cảm nhận của bản thân em

Lời giải chi tiết:

- Đôi mắt của anh Sáu và bé Thu

- Cảm nhận

+ Anh Sáu: Đôi mắt trĩu mến, hết sức yêu thương con, muốn ôm lấy con trước khi đi; nhưng nó cũng rất buồn rầu vì bé Thu không nhận ra anh là cha

+ Bé Thu: ăn năn, hối hận, muốn chạy vào lòng ôm ba.

Câu 4.

Tình cảm gia đình là tình cảm gần gũi, bình dị nhưng cũng rất đổi thiêng liêng. Hãy viết một đoạn văn ngắn nêu suy nghĩ của em về ý thức và trách nhiệm của mỗi người đối với gia đình.

Phương pháp:

Đây là bài văn nghị luận xã hội.

Xác định vấn đề: ý thức và trách nhiệm của mỗi người đối với gia đình

Lời giải chi tiết:

- Vai trò của gia đình:

+ Là nơi ta được sinh ra, nuôi dưỡng ta trưởng thành

+ Là bến đỗ bình yên sau mỗi bão giông cuộc đời

+....

- Trách nhiệm của bản thân:

+ Luôn yêu thương gia đình, giúp đỡ cha mẹ những việc trong khả năng

+ Cố gắng học tập tốt, nghe lời cha mẹ, ...

+ Phụng dưỡng cha mẹ khi cha mẹ già yếu

+

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 15

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I. (7 điểm)

Trong một đoạn trích sách Ngữ Văn 9 (Tập 1) có viết:

“Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh”

Câu 1: Chép chính xác tám câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ?

Câu 2: Cho biết đoạn thơ em vừa chép trích trong văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Của ai? Vị trí của văn bản đó trong tác phẩm?

Câu 3: Theo em, có thể thay thế từ “hờn” trong câu thơ thứ hai thành từ “buồn” được không? Vì sao?

Câu 4: Viết một đoạn văn khoảng 12-15 câu theo cách tổng phân hợp để làm nổi bật vẻ đẹp sắc sảo mặn mà của nhân vật trong đoạn thơ trên (trong đó có dùng một câu ghép, phép thế và gạch chân).

Phần II. (1,5 điểm)

“Hoàng Lê nhất thống chí” là một tác phẩm văn xuôi chữ Hán có quy mô

lớn nhất và đạt những thành công xuất sắc về nghệ thuật, đặc biệt trong lĩnh vực tiểu thuyết của văn học Việt Nam thời trung đại.

Câu 1: Hãy giải thích nhan đề tác phẩm.

Câu 2: Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi tạo dựng hình ảnh nhân vật chính Quang Trung-Nguyễn Huệ?

Phần III. (1,5 điểm)

Bác Hồ không chỉ là một con người vĩ đại trong cuộc sống mà còn là một hình tượng tuyệt đẹp trong tác phẩm văn học. Trong chương trình Ngữ Văn 9 có một văn bản nhật dụng viết rất hay về vẻ đẹp phong cách của người.

Câu 1: Hãy cho biết đó là văn bản nào? Của ai?

Câu 2: Viết một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi trình bày những bài học phong cách tư tưởng đạo đức mà em học được từ Người qua tác phẩm đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Phần I.

Câu 1.

Chép chính xác tám câu thơ tiếp theo để hoàn chỉnh đoạn thơ?

Phương pháp:

Chép chính xác 8 câu thơ tiếp theo

Lời giải chi tiết:

“Làn thu thủy nét xuân sơn

Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh

Thông minh vốn sẵn tính trời

Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm

Cung thương lầu bậc ngũ âm

Nghề riêng ăn đứt hồ cầm một trương

Khúc nhà tay lựa nên chương

Một thiên bạc mệnh lại càng não nhân

Phong lưu rất mực hồng quần

Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê”

Câu 2.

Cho biết đoạn thơ em vừa chép trích trong văn bản nào? Thuộc tác phẩm nào? Của ai? Vị trí của văn bản đó trong tác phẩm?

Phương pháp:

Nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm

Lời giải chi tiết:

- Văn bản: “Chị em Thúy Kiều “
- Tác phẩm:” Truyện Kiều “
- Tác giả: Nguyễn Du
- Vị trí: Phần 1 “Gặp gỡ và đính ước”

Câu 3.

Theo em, có thể thay thế từ “hòn” trong câu thơ thứ hai thành từ “buồn” được không? Vì sao?

Phương pháp:

Thử thay thế và nhận xét ngữ cảnh

Lời giải chi tiết:

- Từ “hòn” và “buồn” đều là những từ chỉ tâm trạng nhưng sắc thái ý nghĩa khác nhau:

+ “Buồn” chỉ tâm trạng không vui khi gặp việc đau thương hoặc đấng có điều không được như ý. Với từ “uòn” thiên nhiên dường như khuất phục trước vẻ đẹp của Kiều

+ “Hòn” chỉ nổi bực bội, dằn dỗi. Qua từ này, ta thấy dụng ý nghệ thuật sâu sắc của nhà thơ, ông muốn nhấn mạnh vẻ đẹp vượt trội của Kiều, Kiều đẹp hơn những gì mỹ lệ của thiên nhiên. Vẻ đẹp đó khiến thiên nhiên đố kỵ, ghen ghét, dự báo về cuộc đời đầy sóng gió của Kiều sau này.

⇒ Vì vậy, không thể thay thế từ “hòn” bằng từ “buồn”. Chỉ bằng một chi tiết nhỏ, người đọc đã thấy nghệ thuật bậc thầy của Nguyễn Du trong việc sử dụng ngôn ngữ Tiếng Việt.

Câu 4.

Viết một đoạn văn khoảng 12-15 câu theo cách tổng phân hợp để làm nổi bật vẻ đẹp sắc sảo mặn mà của nhân vật trong đoạn thơ trên (trong đó có dùng một câu ghép, phép thế và gạch chân).

Phương pháp:

Nêu cảm nhận của em về vẻ đẹp sắc sảo mặn mà của nhân vật Thúy Kiều.

Chú ý hình thức đoạn văn tổng phân hợp khoảng 12-15 câu.

Lời giải chi tiết:

Đoạn văn cần đảm bảo các yêu cầu sau:

- Hình thức:

+ Đúng kiểu đoạn văn theo phương thức tổng phân hợp

+ Đủ dung lượng (khoảng 12-15 câu) , diễn đạt trong sáng, dễ hiểu, trình bày sạch đẹp

+ Đoạn văn có sử dụng một câu ghép, phép thế (có chú thích rõ ràng)

-Nội dung: Làm rõ những nét đẹp của Kiều trên các phương diện:

+ Về nhan sắc:

* Tác giả vẫn dùng những hình tượng nghệ thuật ước lệ “thu thủy “ (nước mùa thu) “ xuân sơn “ (núi mùa xuân) , “hoa”,”liễu” để khắc họa vẻ đẹp của Thúy Kiều. Nét vẽ của thi nhân thiên về gợi, tạo một ấn tượng chung về vẻ đẹp của một giai nhân tuyệt thế.

* Nguyễn Du sử dụng bút pháp điểm nhãn, đặc tả đôi mắt để vẽ hồn cho bức tranh chân dung. Hình ảnh ước lệ:” Làn thu thủy nét xuân sơn/ Hoa ghen thua thắm liễu hờn kém xanh” gợi tả đôi mắt Kiều long lanh như làn nước mùa thu, lông mày uốn cong xinh đẹp như dáng núi mùa xuân, dung nhan đậm thắm mơn mớn đến nỗi hoa phải ghen, liễu phải hờn.

+ Về trí tuệ, tài năng:

* Kiều là một cô gái thông minh và rất mực tài hoa

* Tài của Kiều đạt đến mức lí tưởng theo quan niệm thẩm mỹ phong kiến, gồm đủ cả: cầm, kì, họa, thi. Tài nào cũng xuất sắc, cũng thành “nghề riêng “tài đàn và tài soạn nhạc ăn đứt thiên hạ.

+ Về tâm hồn: Cụ thể tả cái tài của Kiều cũng là để Nguyễn Du ngợi ca ngợi vẻ đẹp tâm hồn của nàng. Cung đàn Bạc mệnh mà Thúy Kiều tự sáng tác chính là tự ghi lại tiếng long của một trái tim đa sầu đa cảm.

- Vẻ đẹp của Kiều là sự kết hợp của cả sắc tài tình, tất cả đều đến mức lí tưởng.

⇒ Qua chân dung Thúy Kiều, Nguyễn Du muốn dự báo số phận của nàng sau này sẽ đầy sóng gió.

Phần II:

Câu 1.

Hãy giải thích nhan đề tác phẩm.

Phương pháp:

Đọc kĩ nhan đề kết hợp với nội dung

Lời giải chi tiết:

Ý nghĩa nhan đề “Hoàng Lê Nhất Thống Chí” ghi chép về sự thống nhất của Vương triều nhà Lê (thời điểm Tây Sơn diệt Trịnh, trả lại Bắc Hà cho vua Lê)

Câu 2.

Theo em, nguồn cảm hứng nào đã chi phối ngòi bút của tác giả khi tạo dựng hình ảnh nhân vật chính Quang Trung-Nguyễn Huệ?

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của em, kết hợp bối cảnh lịch sử văn bản

Lời giải chi tiết:

Nhóm tác giả Ngô Gia Văn Phái vốn là những cựu thần, chịu ơn sâu nghĩa của vua Lê, vậy mà viết rất hay mà thực về người anh hùng Nguyễn Huệ vì:

- Họ là những người viết tiểu thuyết lịch sử, họ phải tôn trọng lịch sử và phản ánh khách quan nhân vật, sự kiện lịch sử.

- Mặc dù các tác giả dòng họ Ngô Thì vốn là những người yêu nước không thể bỏ qua sự thật là vua Lê đã hèn nhát “cồng rắn cắn gà nhà”. Do đó họ không thể phủ nhận chiến thắng lẫy lừng của vua Quang Trung, xứng đáng là niềm tự hào dân tộc.

Phần III:

Câu 1.

Hãy cho biết đó là văn bản nào? Của ai?

Phương pháp:

Nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm

Lời giải chi tiết:

- Tác phẩm: “Phong cách Hồ Chí Minh”

- Tác giả: Lê Anh Trà

Câu 2.

Viết một đoạn văn khoảng nửa trang giấy thi trình bày những bài học phong cách tư tưởng đạo đức mà em học được từ Người qua tác phẩm đó.

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của em về những bài học về phong cách tư tưởng đạo đức của Người

Lời giải chi tiết:

Viết đoạn văn nghị luận xã hội

- Hình thức: Đoạn văn
- Nội dung: Từ vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh, học sinh có thể rút ra những bài học sau:
 - + Phong cách giản dị trong lối sống.
 - + Tinh thần ham học hỏi nâng cao với hiểu biết.
 - + Tiếp thu tinh hoa văn hoá nhân loại một cách có chọn lọc.
 - + Giữ gìn bản sắc văn hoá dân tộc....

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 16**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Câu 1. (2 điểm)**

Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ vựng để phân tích phép nghệ thuật độc đáo trong đoạn văn sau: “... *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu! ...*”

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

Câu 2: (2 điểm)

Tóm tắt truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng và nêu tình huống truyện.

Câu 3. (1 điểm)

Cho đoạn văn: “... *Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi cháu buồn đến chết mất*”

a) Cho biết đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào? Của ai?

b) Đoạn văn nói về nội dung gì?

Câu 4: (5 điểm)

Hãy kể một việc làm mà nhờ đó em mang lại niềm vui cho người khác.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1:

Vận dụng kiến thức đã học về một số phép tu từ vựng để phân tích phép nghệ thuật độc đáo trong đoạn văn sau: “... *Gậy tre, chông tre chống lại sắt thép của quân thù. Tre xung phong vào xe tăng, đại bác. Tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín. Tre hi sinh để bảo vệ con người. Tre, anh hùng lao động! Tre, anh hùng chiến đấu! ...*”

(Thép Mới, *Cây tre Việt Nam*)

Phương pháp:

Đọc kỹ và phân tích phép nghệ thuật độc đáo trong đoạn văn

Lời giải chi tiết:

- Biện pháp nhân hóa: *tre xung phong, tre giữ làng, giữ nước, giữ mái nhà tranh, giữ đồng lúa chín, tre hi sinh, tre anh hùng lao động, tre anh hùng chiến đấu.*

- Biện pháp liệt kê

- Tác dụng:

+ Giúp câu văn thêm sinh động, hấp dẫn, có hồn.

+ Khẳng định ý nghĩa, vai trò, tầm quan trọng của tre đối với cuộc kháng chiến của dân tộc

Câu 2:

Tóm tắt truyện ngắn “Chiếc lược ngà” của nhà văn Nguyễn Quang Sáng và nêu tình huống truyện.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung truyện và kể lại

Lời giải chi tiết:

- Tóm tắt: Ông Sáu xa nhà đi kháng chiến. Mãi đến khi con gái lên tám tuổi ông mới có dịp về thăm nhà, thăm con. Bé Thu – con ông – không nhận ra cha vì vết sẹo trên mặt làm ông không giống với người cha trong bức ảnh mà em biết. Em đối xử với ba như với người xa lạ. Cho đến lúc em nhận ra cha, tình cha con trỗi dậy mãnh liệt trong em thì cũng là lúc ông Sáu phải ra đi. Ở khu căn cứ, người cha ấy đã dồn hết tình cảm yêu thương và nỗi nhớ mong con vào một việc làm một chiếc lược bằng ngà voi để tặng cô con gái bé bỏng. Trong một trận càn, ông đã hy sinh. Trước lúc nhắm mắt, ông còn kịp trao cây lược ngà nhờ người bạn gửi về cho con gái của mình

- Tình huống truyện:

- Xoay quanh 2 tình huống truyện rất éo le.

+ Ông Sáu sau 8 năm xa nhà đi kháng chiến được nghỉ 3 ngày phép về thăm nhà, thăm con. Trước nỗi xúc động và tình cảm yêu mến của ông, bé Thu – đứa con gái ông yêu quý, mong nhớ suốt 8 năm trời đã không nhận ra ông là cha. Ngày ông phải trả phép về đơn vị cũng chính là ngày con bé nhận ra ông là cha đẻ.

+ Ở đơn vị, ông Sáu dồn cả tình yêu, nỗi nhớ, nỗi ân hận, day dứt vào việc làm chiếc lược ngà để tặng con. Nhưng chưa kịp trao cây lược cho con thì ông đã hi sinh trong 1 trận càn lớn của Mỹ nguy.

⇒ Từ tình huống truyện, Nguyễn Quang Sáng:

+ Ngợi ca tình cha con sâu nặng.

+ Tố cáo tội ác của chiến tranh đã gây ra bao bi kịch cho gia đình Việt Nam.

Câu 3:

Cho đoạn văn: “... Và, khi ta làm việc, ta với công việc là đôi, sao gọi là một mình được? Huống chi công việc của cháu gắn liền với việc của bao anh em đồng chí dưới kia. Công việc của cháu gian khổ thế đấy, chứ cất nó đi cháu buồn đến chết mất”

a) Cho biết đoạn văn trên trích từ tác phẩm nào? Của ai?

b) Đoạn văn nói về nội dung gì?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn văn, nhớ lại thông tin tác giả, tác phẩm

Lời giải chi tiết:

- Tác phẩm: Lặng lẽ Sa Pa

- Tác giả: Nguyễn Thành Long

- Nội dung: Đoạn văn nói lên sự gắn bó, tầm quan trọng của công việc đối với anh thanh niên.

Câu 4:

Hãy kể một việc làm mà nhờ đó em mang lại niềm vui cho người khác.

Phương pháp:

Kể lại một kỉ niệm đáng nhớ của em

Lời giải chi tiết:

1. Mở bài: Giới thiệu vấn đề (Việc em đem lại niềm vui cho người khác là gì?)

2. Thân bài

- Em giúp đỡ, làm người khác vui diễn ra ở đâu?

- Hoàn cảnh của người đó lúc bấy giờ thế nào?

- Em đã giúp đỡ những gì?

- Sau khi giúp đỡ tâm trạng của em ra sao? Em rút được bài học gì cho bản thân khi đem lại niềm vui cho những người xung quanh.

3. Kết bài: Cảm nghĩ chung

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 17

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Trắc nghiệm: (2,0 điểm)

Trả lời các câu hỏi bằng cách ghi chữ cái đầu câu em cho là đúng nhất ra tờ giấy làm bài.

Câu 1: Có mấy cách dẫn lời nói hay dẫn ý nghĩ của người hoặc nhân vật?

- A. Một. B. Hai.
C. Ba. D. Bốn.

Câu 2: Trong các từ “*xuân*” sau đây (trích “Truyện Kiều” - Nguyễn Du), từ nào mang nghĩa chuyên?

- A. Trước lầu Ngưng Bích khóa **xuân**.
B. Làn thu thủy nét **xuân** son.
C. Ngày **xuân** con én đưa thoi.
D. Chị em sắm sửa bộ hành chơi **xuân**.

Câu 3: Từ ngữ tiếng Việt mượn của ngôn ngữ nào nhiều nhất?

- A. Tiếng Pháp. B. Tiếng Anh.
C. Tiếng Hán. D. Tiếng Nga.

Câu 4: Chọn từ ngữ thích hợp điền vào chỗ trống (...) trong câu sau: *Nói chen vào chuyện của người trên khi không được hỏi đến là.....:*

- A. nói móc. B. nói leo.
C. nói mát. D. nói hót.

Câu 5: Trong các từ Hán - Việt sau, yếu tố “*phong*” nào có nghĩa là “*gió*”?

- A. Phong lưu.
- C. Cuồng phong.
- B. Phong kiến.
- D. Tiên phong.

Câu 6: Trong những cách nói sau, cách nói nào **không** sử dụng phép nói quá?

- A. Chưa ăn đã hết.
- B. Đứt từng khúc ruột.
- C. Một tác đến trời.
- D. Sợ vã mồ hôi.

Câu 7: Câu: “*Xin ông đừng giận cháu!*” xét theo mục đích nói thuộc kiểu câu gì?

- A. Câu nghi vấn.
- B. Câu cầu khiến.
- C. Câu cảm thán.
- D. Câu trần thuật.

Câu 8: Các thành ngữ: *ăn ốc nói mò, ăn không nói có, ăn gian nói dối*, liên quan đến phương châm hội thoại nào?

- A. Phương châm về chất.
- B. Phương châm cách thức.
- C. Phương châm lịch sự.
- D. Phương châm quan hệ.

II. Đọc – hiểu văn bản (2,5 điểm)

Đọc đoạn trích sau và trả lời các câu hỏi từ câu 1 đến câu 4:

“Trong cuộc đời đầy truân chuyên của mình, chủ tịch Hồ Chí Minh đã tiếp xúc với văn hóa nhiều nước, nhiều vùng trên thế giới, cả phương Đông và phương Tây. Trên những con tàu vượt trùng dương, Người đã ghé lại nhiều hải cảng, đã thăm các nước châu Phi, châu Á, châu Mĩ. Người đã từng sống dài ngày ở Pháp, ở Anh. Người nói và viết thạo nhiều thứ tiếng ngoại quốc: Pháp, Anh, Hoa, Nga... và Người đã làm nhiều nghề. Có thể nói ít có vị lãnh tụ nào lại am hiểu nhiều về các dân tộc và nhân dân thế giới, văn hóa thế giới sâu sắc như Chủ tịch Hồ Chí Minh. Đến đâu Người cũng học hỏi, tìm hiểu văn hóa, nghệ thuật đến một mức khá uyên thâm. Người cũng chịu ảnh hưởng của tất cả các nền văn hóa, đã tiếp thu mọi cái đẹp và cái hay đồng thời với việc phê phán những tiêu cực của chủ nghĩa tư bản. Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.”

Câu 1: Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Câu 2: Qua đoạn trích tác giả đã cho thấy vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa bởi các yếu tố nào?

Câu 3: Xác định hai danh từ được dùng như tính từ trong câu văn sau và cho biết hiệu quả nghệ thuật của việc dùng từ ấy?

“Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.”

Câu 4: Từ đoạn trích, em rút ra được bài học gì cho bản thân về cách học tập, tiếp thu văn hóa nhân loại?

III. Tập làm văn (5,5 điểm)

Câu 1: (2,0 điểm)

Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ sau:

Ngày xuân con én đưa thoi,

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Câu 2: (3,5 điểm)

Hãy kể một kỉ niệm sâu sắc nhất của em với thầy(cô) giáo cũ mà em nhớ mãi.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. Trắc nghiệm:

1	2	3	4	5	6	7	8
B	A	C	B	C	D	B	A

II. Đọc – hiểu văn bản

Câu 1.

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn trên là gì?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn văn và xác định

Lời giải chi tiết:

Phương thức biểu đạt chính của đoạn văn: nghị luận

Câu 2.

Qua đoạn trích tác giả đã cho thấy vẻ đẹp của phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa bởi các yếu tố nào?

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích

Lời giải chi tiết:

Vẻ đẹp phong cách Hồ Chí Minh được kết hợp hài hòa giữa những ảnh hưởng văn hóa quốc tế với cái gốc văn hóa dân tộc; giữa sự bình dị rất Việt Nam, rất phương Đông với cái hiện đại và mới mẻ.

Câu 3.

Xác định hai danh từ được dùng như tính từ trong câu văn sau và cho biết hiệu quả nghệ thuật của việc dùng từ ấy

“Nhưng điều kì lạ là tất cả những ảnh hưởng quốc tế đó đã nhào nặn với cái gốc văn hóa dân tộc không gì lay chuyển được ở Người, để trở thành một nhân cách rất Việt Nam, một lối sống rất bình dị, rất Việt Nam, rất phương Đông, nhưng cũng đồng thời rất mới, rất hiện đại.”

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn trích và xác định tính từ

Lời giải chi tiết:

- Hai danh từ được sử dụng như tính từ: Việt Nam, phương Đông.
- Cách dùng từ ấy có hiệu quả nghệ thuật cao: Tác giả muốn khẳng định và nhấn mạnh bản sắc văn hóa dân tộc Việt Nam, bản sắc phương Đông trong con người Bác.

Câu 4.

Từ đoạn trích, em rút ra được bài học gì cho bản thân về cách học tập, tiếp thu văn hóa nhân loại?

Phương pháp:

Từ nội dung rút ra bài học

Lời giải chi tiết:

HS có thể trình bày ý kiến theo nhiều cách, nhưng cần thể hiện được các ý:

+ Phải chăm chỉ rèn luyện, học tập, nắm vững kiến thức, học đi đôi với thực hành, vận dụng lí thuyết vào giải quyết vấn đề cuộc sống. Học hỏi, tìm hiểu, tiếp thu có chọn lọc những tinh hoa văn hóa nhân loại đồng thời phê phán những ảnh hưởng tiêu cực từ văn hóa ngoại lai.

+ Không ngừng học tập và làm theo tấm gương phong cách, tư tưởng, đạo đức Hồ Chí Minh: sống giản dị, giữ gìn và phát huy những bản sắc văn hóa tốt đẹp của dân tộc. Tránh xa lối sống sùng ngoại, chây lười ỉ lại, buông thả, chạy theo mốt mà quên đi những giá trị văn hóa tốt đẹp mang bản sắc dân tộc.

III. Tập làm văn**Câu 1.**

Viết một đoạn văn trình bày cảm nhận của em về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ sau:

Ngày xuân con én đưa thoi,

Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi.

Cỏ non xanh tận chân trời,

Cành lê trắng điểm một vài bông hoa.

Phương pháp:

Nêu suy nghĩ của em về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ trên

Lời giải chi tiết:

Cảm nhận về bức tranh mùa xuân trong đoạn thơ.

Yêu cầu:

- Đảm bảo thể thức một đoạn văn.
 - Cảm nhận sâu sắc, diễn đạt trôi chảy, không sai chính tả.
 - Nội dung cảm nhận cần nêu bật được các ý cơ bản sau:
- + Bằng bút pháp miêu tả ước lệ tượng trưng, Nguyễn

Du đã khắc họa nên một bức tranh khung cảnh thiên nhiên mùa xuân với vẻ đẹp riêng thật tươi đẹp.

+ Hai dòng thơ câu gợi tả mùa xuân theo cách riêng của tác giả vừa nói về sự trôi chảy của thời gian vừa gợi không gian. Ngày xuân thấm thoát trôi mau, tiết trời đã bước sang tháng ba – tháng cuối của mùa xuân. Giữa bầu trời xuân mênh mông bao la, những cánh én bay đi bay lại như thoi đưa. Các hình ảnh ẩn dụ, nhân hóa (*con én đưa thoi*), hoán dụ (*thiều quang*), phụ từ *đã* không chỉ gợi lên sự trôi chảy quá nhanh của thời gian mà còn gợi lên cả sự sống động, trong sáng, ấm áp, tinh khôi... của đất trời xuân đồng thời gợi cảm giác băng khuâng, nuối tiếc của lòng người...

+ Hai dòng thơ tiếp là bức họa tuyệt đẹp về mùa xuân. Thảm cỏ non xanh mơn mơn trải rộng tới chân trời tạo gam màu nền cho bức tranh xuân (*Cỏ non xanh tận chân trời*). Trên nền màu xanh non ấy điểm xuyết một vài bông hoa lê trắng (*Cành lê trắng điểm một vài bông hoa*). Màu sắc có sự hài hòa tới mức tuyệt diệu, sự phối sắc tài tình. Tất cả đều gợi lên vẻ đẹp riêng của mùa xuân: mới mẻ, tinh khôi, giàu sức sống (*cỏ non*), khoáng đạt, trong trẻo (*xanh tận chân trời*), nhẹ nhàng thanh khiết (*trắng điểm một vài bông hoa*). Nguyễn Du đã vận dụng sáng tạo ý thơ cổ Trung Hoa: *Phương thảo liên thiên bích/Lê chi sổ điểm hoa* vào trong thơ mình. Chữ *điểm* làm cho cảnh vật thêm sinh động có hồn chứ không hề tĩnh tại.

+ Chỉ với vài nét vẽ nghệ thuật cùng ngôn ngữ giàu sức gợi hình, gợi cảm, Nguyễn Du đã để lại cho đời một bức tranh khung cảnh thiên nhiên mùa xuân tuyệt đẹp. Ông xứng đáng được tôn vinh là cây bút miêu tả bậc thầy...

Câu 2.

Hãy kể một kỉ niệm sâu sắc nhất của em với thầy (cô) giáo cũ mà em nhớ mãi.

Phương pháp:

Nhớ lại một kỉ niệm sâu sắc và kể lại

Lời giải chi tiết:

Yêu cầu về kĩ năng

- Bài viết đúng thể loại văn tự sự. Người viết chủ yếu dùng phương thức biểu đạt tự sự, có kết hợp sử dụng các yếu tố miêu tả, biểu cảm và nghị luận để diễn tả làm tăng sức truyền cảm, hấp dẫn của truyện.

- Bố cục rõ ràng, đủ ba phần: Mở bài (đưa dẫn kỷ niệm của mình với thầy hoặc cô giáo được chọn kể), thân bài (kể về diễn biến câu chuyện), kết bài (khép lại câu chuyện, bộc lộ ấn tượng sâu đậm nhất)

- Biết sử dụng thích hợp các hình thức đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm .

Về nội dung:

- Kỉ niệm được chọn kể phải sâu sắc và mang ý nghĩa tích cực, có tác động giáo dục đối với mọi người, nhất là đối với lứa tuổi học trò.

- Truyện tạo được tình huống và cốt truyện hấp dẫn, được đưa dẫn, được trình bày diễn biến và được kết thúc một cách tự nhiên. Nhân vật thể hiện những hành vi, cử chỉ, điệu bộ, tâm lí phù hợp với tình huống truyện, thực sự trở thành linh hồn của truyện, tỏa sáng chủ đề tư tưởng của truyện.

1. Mở bài: Giới thiệu chung

2. Thân bài

- Kỉ niệm ấy xảy ra ở đâu? Với ai?

- Diễn biến

- Kết quả

- Bài học em rút ra sau kỉ niệm đó

3. Kết bài: Cảm nghĩ của em

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 18

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1:(2 điểm)

a. Kể tên các phương châm hội thoại mà em đã học.

b. Giải thích vì sao gọi là phương châm hội thoại mà không gọi là quy tắc hội thoại.

Câu 2: (3 điểm)

Sống trong đời sống

Cần có một tấm lòng

Để làm gì em biết không?

(Trịnh Công Sơn)

Hãy tìm câu trả lời trong văn bản Ánh trăng của Nguyễn Duy.

Câu 3: (5 điểm)

Câu chuyện gặp gỡ xúc động giữa ông Sáu và bé Thu sau tám năm xa cách.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT**THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****Câu 1:** (2 điểm)

- a. Kể tên các phương châm hội thoại mà em đã học.
- b. Giải thích vì sao gọi là phương châm hội thoại mà không gọi là quy tắc hội thoại.

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về phương châm hội thoại

Lời giải chi tiết:

a. Kể tên 5 phương châm hội thoại đã học. (Mỗi phương châm được 0,2 điểm).

- Phương châm về chất.
- Phương châm về lượng.
- Phương châm quan hệ.
- Phương châm cách thức.
- Phương châm lịch sự.

b. (1 điểm)

Giải thích gọi là phương châm hội thoại mà không gọi là quy tắc hội thoại, vì:

- Phương châm chỉ có tính định hướng, không có tính chất bắt buộc phải tuân thủ.
- Nếu là quy tắc thì tính chất chặt chẽ, yêu cầu bắt buộc phải tuân thủ cao hơn. Trong thực tế giao tiếp, do các lí do khác nhau nên không phải lúc nào các phương châm nêu ra cũng được tuân thủ. Đích cuối cùng là để đạt mục đích giao tiếp với hiệu quả cao nhất.

Câu 2: (3 điểm)

Sống trong đời sống

Cần có một tấm lòng

Để làm gì em biết không?

(Trịnh Công Sơn)

Hãy tìm câu trả lời trong văn bản *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung bài thơ

Lời giải chi tiết:

a. Con người sống trên cuộc đời cần có một tấm lòng:

- Khao khát sống có ích cho mọi người, cho xã hội; đừng lãng quên quá khứ, quên những người bạn tri kỉ một thời gắn bó.

- Trên nền của một câu chuyện riêng tư, lời tâm sự của cá nhân, Nguyễn Duy đã khái quát lên một tình cảm: cần phải sống thủy chung với quá khứ, với thiên nhiên, đất nước và chính mình; phải biết “Uống nước nhớ nguồn”.

b. Khẳng định được ý nghĩa, giá trị của những tình cảm, thái độ đó đối với cuộc đời, ý nghĩa của đời sống cá nhân trong mối quan hệ với cộng đồng.

- Cuộc sống của mỗi cá nhân chỉ có giá trị và thực sự hạnh phúc khi đóng góp được vào cuộc đời chung những gì tốt đẹp của mình.

- Là sự thức tỉnh về cách sống, thêm khao khát được được cống hiến, biết sống đẹp, ý thức được bổn phận và nghĩa vụ.

- Khuyên con người không được quên một thời tình nghĩa thủy chung. *Ánh trăng* của Nguyễn Duy khiến cho con người phải suy ngẫm sâu sắc về lẽ sống ở đời.

Câu 3: (5 điểm)

Câu chuyện gặp gỡ xúc động giữa ông Sáu và bé Thu sau tám năm xa cách.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung câu chuyện và kể lại

Lời giải chi tiết:

1. Về hình thức

- Nắm vững kỹ năng làm bài văn tự sự, biết kết hợp, đan xen các yếu tố miêu tả và biểu cảm, nghị luận một cách chân thực, sinh động để bài viết đạt kết quả cao.
- Trình bày đúng, đủ bố cục ba phần của bài làm; phân đoạn hợp lí.
- Xác định ngôi kể: Ngôi thứ nhất.
- Biết sử dụng lời văn đối thoại, độc thoại từ ngôi kể thích hợp.
- Hành văn mạch lạc, trong sáng. Không có quá nhiều lỗi sai: lỗi dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt, sai chính tả.

2. Về nội dung

- Kể chuyện: Cuộc gặp gỡ xúc động của hai cha con ông Sáu và bé Thu trong chuyến về thăm nhà sau 8 năm xa cách.
- Truyện được gợi ra trong hoàn cảnh ở chiến khu khi ông Sáu đang dồn hết tâm trí vào việc làm chiếc lược ngà cho con gái. Đó không phải là chiếc lược bình thường. Đó là chiếc lược của tình yêu thương, là biểu tượng của tình phụ tử thiêng liêng. Câu chuyện cần làm nổi bật các tình huống sau:
 - + Lúc nhìn thấy con nhưng gặp phải nghịch cảnh trở trêu: bé Thu không nhận ra cha vì vết sẹo.
 - + Một ngày nghỉ phép ở nhà, tiếp xúc với bé Thu lại càng khó khăn hơn với ông, khiến ông buồn tủi hơn.

+ Ấn tượng nhất khiến ông không thể quên được, đó là giây phút hạnh phúc của ông khi chia tay với con. Tiếng gọi "ba" của bé Thu thật cảm động và đau đớn. Đây là tiếng gọi đầu tiên và cũng là tiếng gọi lần cuối đối với người cha quá yêu con gái vì sau đó ông Sáu đã hi sinh.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 19

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1: (3 điểm)

- Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh có tác dụng như thế nào?
- Viết một đoạn văn thuyết minh (khoảng 10 dòng), đề tài: Mùa thu xứ Huế, có yếu tố miêu tả để thuyết minh.

Câu 2: (2 điểm)

- Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.
- Chỉ ra biện pháp tu từ và phân tích giá trị nghệ thuật của biện pháp tu từ đó trong hai câu thơ sau:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

(Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm)

Câu 3: (5 điểm)

Hãy tưởng tượng em gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1: (3 điểm)

- a. Sử dụng yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh có tác dụng như thế nào?
- b. Viết một đoạn văn thuyết minh (khoảng 10 dòng), đề tài: Mùa thu xứ Huế, có yếu tố miêu tả để thuyết minh.

Phương pháp:

Nhớ lại khái niệm, tác dụng của yếu tố miêu tả.

Vận dụng phương thức thuyết minh để viết đoạn văn với đề tài trên.

Lời giải chi tiết:

a. (0,5 điểm)

Yếu tố miêu tả trong văn bản thuyết minh:

- Giúp cho thuyết minh được cụ thể hơn, sinh động hơn và hấp dẫn hơn.
- Bài thuyết minh có thể kết hợp yếu tố miêu tả.
- Yếu tố miêu tả có tác dụng làm cho đối tượng thuyết minh được nổi bật, gây ấn tượng.

b. (2,5 điểm)

* **Yêu cầu viết đoạn văn:**

Hình thức:

- Đoạn văn khoảng 10 dòng.

- Không sai các lỗi: dùng từ, ngữ pháp, chính tả, viết tắt.

Nội dung:

- Đề tài: **Mùa thu xứ Huế.**

- Đoạn văn có tính chất thuyết minh kết hợp yếu tố miêu tả để minh họa vẻ đẹp thơ mộng của cảnh vật mùa thu ở xứ Huế.

Câu 2: (2 điểm)

a. Nêu điểm giống nhau và khác nhau giữa phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ.

b. Chỉ ra biện pháp tu từ và phân tích giá trị nghệ thuật của biện pháp tu từ đó trong hai câu thơ sau:

Mặt trời của bắp thì nằm trên đồi

Mặt trời của mẹ em nằm trên lưng.

(Khúc hát ru những em bé lớn trên lưng mẹ - Nguyễn Khoa Điềm)

Phương pháp:

Vận dụng kiến thức về biện pháp tu từ ẩn dụ và hoán dụ

Lời giải chi tiết:

*** Yêu cầu cần đạt:**

a. (1 điểm)

- Điểm giống nhau: Đều là phương thức lấy tên gọi của sự vật này để gọi tên cho sự vật khác.

- Sự khác nhau giữa phép tu từ ẩn dụ và hoán dụ:

+ Ẩn dụ: Dựa vào mối quan hệ tương đồng (giống nhau về một khía cạnh nào đó) giữa hai sự vật.

+ Hoán dụ: Dựa vào mối quan hệ tương cận (gần gũi, luôn đi đôi) giữa hai sự vật.

b. (1 điểm)

- Chỉ ra biện pháp tu từ: ẩn dụ: “Mặt trời của mẹ”.

- Giá trị nghệ thuật của biện pháp tu từ đó:

Hình ảnh “mặt trời của mẹ” được chuyển nghĩa, tượng trưng. Em Cu tai là mặt trời của mẹ. Em là nguồn hạnh phúc ấm áp, vừa gần gũi, vừa thiêng liêng của đời mẹ. Chính em đã góp phần sưởi ấm lòng tin yêu, ý chí của mẹ trong cuộc sống.

Câu 3: (5 điểm)

Hãy tưởng tượng em gặp gỡ và trò chuyện với người lính lái xe trong tác phẩm *Bài thơ về tiểu đội xe không kính* của Phạm Tiến Duật. Viết bài văn kể lại cuộc gặp gỡ và trò chuyện đó.

Phương pháp:

Nhớ lại bối cảnh, nội dung bài thơ và kết hợp trí tưởng tượng phong phú

Lời giải chi tiết:

1. Về hình thức

- Nắm vững kĩ năng làm bài văn tự sự, biết kết hợp, đan xen các yếu tố miêu tả, thuyết minh, biểu cảm, nghị luận một cách chân thực, sinh động để bài viết đạt kết quả cao.

- Trình bày đúng, đủ bố cục ba phần của bài làm; phân đoạn hợp lí.

- Xác định ngôi kể: Ngôi thứ nhất, đan xen “tôi” là người kể, bác hoặc chú là người lính.

- Biết sử dụng lời văn đối thoại, độc thoại từ ngôi kể thích hợp.

- Hành văn mạch lạc, trong sáng. Không có quá nhiều lỗi sai: lỗi dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt, sai chính tả.

- Thứ tự kể: có thể kể xuôi hoặc kể ngược.

2. Về nội dung

- Kể chuyện: Cuộc gặp gỡ xúc động giữa em với người lính lái xe Trường Sơn. Cuộc gặp gỡ diễn ra vào lúc nào? Thời gian, địa điểm? Ấn tượng về cuộc gặp gỡ đó?
- Không khí cuộc gặp gỡ, sự xuất hiện của người lính lái xe sau nhiều năm chiến tranh đã kết thúc: hình dáng, trang phục, nét mặt, nụ cười, đôi mắt, giọng nói...
- Nội dung cuộc gặp gỡ: (kết hợp miêu tả, biểu cảm, đối thoại, độc thoại, độc thoại nội tâm...) (bám vào nội dung của **Bài thơ về tiểu đội xe không kính**).
- + Người lính kể cho nhân vật “tôi” nghe về những chiếc xe không kính, biến dạng.
- + Cuộc sống sinh hoạt, đời sống tinh thần, tình cảm đồng đội. (Học sinh sáng tạo thêm dựa trên thực tế cuộc chiến tranh chống Mỹ ở Trường Sơn).
- + Hoàn cảnh chiến trường: bom đạn, con đường đầy bụi do bom đạn cày xới; mưa Trường Sơn và đặc biệt là những cơn mưa bom địch oanh tạc ngày đêm như thế nào... (Học sinh có thể liên tưởng đến sự hi sinh của những người lính Trường Sơn, sự hi sinh của đồng đội trong hoàn cảnh nguy hiểm, lòng dũng cảm, sự thông minh gan dạ đã vượt qua những hiểm nguy để hoàn thành nhiệm vụ như thế nào? Những vết thương chiến tranh còn hằn trên thân thể của những người lính ra sao...).
- + Suy nghĩ của nhân vật “tôi” khi nghe kể những ngày tháng trong lửa đạn chiến tranh.
- + Công việc của những người lính trong hiện tại: cống hiến hết sức mình cho cuộc đời, cho dân tộc...
- Kết thúc cuộc gặp gỡ: Suy nghĩ về cuộc chiến oanh liệt, hào hùng của dân tộc.
- Tâm trạng của nhân vật “tôi” khi chia tay.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 20**MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9****Thời gian làm bài: 90 phút****BIÊN SOẠN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM****I. PHẦN TRẮC NGHIỆM: (4 điểm)**

Đọc kĩ đoạn văn sau và trả lời bằng cách khoanh tròn chữ cái ở đầu câu đúng nhất:

... Anh bước vội vàng với những bước dài, rồi dừng lại kêu to:

- Thu! Con.

Vừa lúc ấy, tôi đã đến gần anh. Với lòng mong nhớ của anh, chắc anh nghĩ rằng, con anh sẽ chạy xô vào lòng anh, sẽ ôm chặt lấy cổ anh. Anh vừa bước, vừa khom người đưa tay đón chờ con. Nghe gọi, con bé giật mình, tròn mắt nhìn. Nó ngơ ngác, lạ lùng. Còn anh, anh không ghìm nổi xúc động. Mỗi lần bị xúc động, vết sẹo dài bên má phải lại đỏ ửng lên, giần giật, trông rất dễ sợ. Với vẻ mặt xúc động ấy và hai tay vẫn đưa về phía trước, anh chậm chậm bước tới, giọng lặp bập run run:

- Ba đây con!

- Ba đây con!

Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi, rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!”. Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy.

(Sách Ngữ văn 9)

Câu 1: Đoạn trích trên nằm trong văn bản nào?

A. Làng.

B. Lặng lẽ Sa Pa.

C. Chuyện người con gái Nam Xương.

D. Chiếc lược ngà.

Câu 2: Người kể chuyện trong đoạn trích trên là ai?

- A. Ông Sáu. B. Ông Ba.
C. Bé Thu. D. Mẹ bé Thu.

Câu 3: Dòng văn nào thể hiện nội dung đoạn trích trên?

- A. Nỗi sợ hãi của bé Thu.
B. Tình cha con sâu nặng.
C. Niềm vui đoàn tụ của gia đình ông Sáu.
D. Lòng mong được gặp con và cảm giác hẫng hụt của ông Sáu khi bé Thu không nhận anh là ba của nó.

Câu 4: “Con bé thấy lạ quá, nó chớp mắt nhìn tôi như muốn hỏi đó là ai, mặt nó bỗng tái đi rồi vụt chạy và kêu thét lên: “Má! Má!” là câu văn có sử dụng lời dẫn trực tiếp?

- A. Đúng. B. Sai.

Câu 5: Từ nào trong các từ sau không phải là từ láy?

- A. Giần giật. B. Run run.
C. Mong nhớ. D. Chầm chậm.

Câu 6: Từ “vết theo” trong đoạn trích trên là loại từ gì?

- A. Từ toàn dân.
B. Từ địa phương Nam Bộ.
C. Từ mượn.
D. Từ địa phương Trung Bộ.

Câu 7: Câu văn: “*Còn anh, anh đứng sững lại đó, nhìn theo con, nỗi đau đớn khiến mặt anh sầm lại trông thật đáng thương và hai tay buông xuống như bị gãy*” có sử dụng biện pháp tu từ nào?

- A. So sánh. B. Nhân hóa.
C. Hoán dụ. D. Ẩn dụ.

Câu 8: Biện pháp nghệ thuật được sử dụng trong câu trên có tác dụng gì?

- A. Nhấn mạnh sự tức giận của ông Sáu.
B. Nhấn mạnh nỗi cô đơn của ông Sáu.
C. Nhấn mạnh sự tủi hổ của ông Sáu.
D. Nhấn mạnh nỗi đau đớn của ông Sáu.

II. PHẦN TỰ LUẬN: (6 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

Hãy ghi lại khổ thơ cuối của bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

Câu 2: (5 điểm)

Hãy nhập vai là nhân vật “tôi” trong bài thơ *Ánh trăng*, em hãy diễn tả dòng cảm nghĩ trong đoạn thơ vừa chép trên thành một bài tâm sự ngắn.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

I. PHẦN TRẮC NGHIỆM (4 điểm)

1	2	3	4	5	6	7	8
---	---	---	---	---	---	---	---

D	B	D	A	C	B	A	D
---	---	---	---	---	---	---	---

II. PHẦN TỰ LUẬN (6 điểm)

Câu 1: (1 điểm)

Hãy ghi lại khổ thơ cuối của bài thơ *Ánh trăng* của Nguyễn Duy.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung bài thơ và chép thuộc khổ cuối

Lời giải chi tiết:

Trăng cứ tròn vành vạnh

kể chi người vô tình

ánh trăng im phăng phắc

đủ cho ta giật mình

Câu 2: (5 điểm)

Hãy nhập vai là nhân vật “tôi” trong bài thơ *Ánh trăng*, em hãy diễn tả dòng cảm nghĩ trong đoạn thơ vừa chép trên thành một bài tâm sự ngắn.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung bài thơ và nhập vai

Lời giải chi tiết:

1. Về hình thức

- Nắm vững kỹ năng làm bài văn tự sự, biết kết hợp, đan xen các yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm một cách chân thực, sinh động để bài viết đạt kết quả cao.
- Trình bày đúng, đủ bố cục ba phần của bài làm; phân đoạn hợp lí.

- Xác định ngôi kể: Ngôi thứ nhất, đan xen “tôi” là người kể.
- Biết sử dụng lời văn đối thoại, độc thoại từ ngôi kể thích hợp.
- Hành văn mạch lạc, trong sáng. Không có quá nhiều lỗi sai: lỗi dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt, sai chính tả.
- Thứ tự kể: dưới hình thức một bài tâm sự gắn dựa vào nội dung của khổ thơ cuối. Chuyển lời thơ thành lời văn, diễn xuôi.

2. Về nội dung

a. Nhân vật “tôi” thể hiện tâm trạng của mình khi đối diện với ánh trăng, với quá khứ; sống lại những ngày tháng bên đồng đội.

Suy ngẫm, triết lí của nhân vật “tôi” về khổ thơ cuối:

- Trăng cứ tròn vành vạnh: Sự tròn đầy, viên mãn hay chính là sự trong sáng, tròn đầy, thủy chung.
- Kể chi người vô tình: Con người đã quay lưng với quá khứ, quên đi bao kỉ niệm đẹp bên đồng đội, đã thành “người dung qua đường”.
- Ánh trăng im phăng phắc: Sự im lặng nghiêm khắc, lặng lẽ mà nhân hậu, bao dung của ánh trăng hay của quá khứ.
- Đủ cho ta giật mình: sự giật mình suy ngẫm vì trăng quá đầy đặn, nghĩa tình mà mình lại quên trăng. Giật mình vì trăng quá bao dung, nhân hậu mà mình lại quá vô tình. Phải chăng mình đã quên quá khứ, quên đi đồng đội.

b. Nhân - vật “tôi” suy ngẫm về lẽ sống ở đời

- Hình ảnh trăng là chi tiết gợi nhớ về quá khứ, những ngày tháng trong chiến tranh, bên đồng đội; gợi nhắc nhân vật “tôi” không được quên đi quá khứ, một thời gian lao động đầy tình nghĩa.
- Quá khứ rất thủy chung với con người, bao dung và độ lượng, ta cần phải hướng về với quá khứ, không được quên một thời tình nghĩa chung thủy; phải sống ân nghĩa “Uống nước nhớ nguồn”, “Ăn quả nhớ kẻ trồng cây”.

- Nhân vật “tôi” tự đối thoại với chính mình, nhìn lại mình, về sự vô tình của mình. Đó là thái độ sống nghiêm khắc: “phê và tự phê” để chấn chỉnh mình, tự hoàn thiện mình.

c. Những trần trở của nhân vật “tôi” về lẽ sống ở đời: Vàng trắng tỏa sáng, soi rọi từ trong cõi lòng sâu thẳm của nhân vật tôi như nhắc nhở một bức thông điệp cho mọi người: Không nên sống vô tình, phải thủy chung sắt son, tình nghĩa trọn vẹn.

- Lòng nhân hậu, thủy chung với quá khứ mãi mãi đẹp như vàng trắng.

- Triết lí thâm trầm ấy được diễn tả qua hình tượng ánh trăng đủ để lại trong lòng ta những ấn tượng sâu sắc.

ĐỀ THI HỌC KÌ 1 – ĐỀ SỐ 21

MÔN: NGỮ VĂN - LỚP 9

Thời gian làm bài: 90 phút



BIÊN SOAN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1: (3 điểm)

Mở đầu bài thơ “*Nhớ con sông quê hương*”, nhà thơ Tế Hanh viết:

Quê hương tôi có con sông xanh biếc

Nước gương trong, soi tóc những hàng tre.

Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè

Tỏa nắng xuống dòng sông lấp lánh...

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu thơ trên.

Câu 2: (2 điểm)

Nêu tư tưởng, chủ đề của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Tìm trong văn bản câu văn thể hiện chủ đề đó.

Câu 3: (5 điểm)

Hãy tưởng tượng bé Thu đang tâm sự với em về những nỗi niềm của mình với người cha thân yêu trong đoạn trích *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

HƯỚNG DẪN GIẢI CHI TIẾT

THỰC HIỆN: BAN CHUYÊN MÔN LOIGIAIHAY.COM

Câu 1: (3 điểm)

Mở đầu bài thơ “*Nhớ con sông quê hương*”, nhà thơ Tế Hanh viết:

Quê hương tôi có con sông xanh biếc

Nước gương trong, soi tóc những hàng tre.

Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè

Tỏa nắng xuống dòng sông lấp loáng...

Hãy phân tích cái hay, cái đẹp mà em cảm nhận được từ bốn câu thơ trên.

Phương pháp:

Đọc kĩ đoạn thơ và phân tích đặc sắc nghệ thuật

Lời giải chi tiết:

a. Nội dung đoạn thơ: Giới thiệu con sông quê hương và tình cảm của tác giả với con sông quê.

- Nghệ thuật: + Từ gợi tả (xanh biếc, nước gương trong, tỏa, lấp loáng).

+ Nghệ thuật: nhân hóa, so sánh.

b. Đoạn thơ có thể phân làm hai ý nhỏ:

* **Ý 1:** Hai câu đầu: Nhà thơ giới thiệu con sông quê hương.

Điểm sáng nghệ thuật cần khai thác:

- Từ gợi tả màu sắc: xanh biếc, lấp lánh, động từ khẳng định "có".
- Nghệ thuật nhân hóa: "soi tóc những hàng tre".

* **Ý 2:** Hai câu cuối: Tình cảm của nhà thơ với con sông quê hương

Điểm sáng nghệ thuật:

- So sánh để khẳng định "Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè".
- Động từ "tỏa" rất gợi hình. Từ láy "lấp lánh" gợi hình ảnh.

* **Tham khảo đoạn văn sau:**

Với bốn câu thơ mở đầu bài thơ "*Nhớ con sông quê hương*", nhà thơ Tế Hanh đã giới thiệu với chúng ta con sông quê hương của mình và tình cảm của ông đối với sông quê. Ngay từ hai câu thơ đầu, hình ảnh con sông quê đã hiện ra với một màu "*xanh biếc*". Tính từ gợi tả "*xanh biếc*" giúp ta hình dung mặt nước sông xanh đậm, đẹp mơ hồ, ánh lên dưới ánh mặt trời, gợi ánh sáng đậm nhạt. Động từ "*có*" vừa giới thiệu con sông quê lại vừa kín đáo bộc lộ cảm xúc, tự hào của người viết. Từ cái nhìn bao quát chung, nhà thơ tả cụ thể con sông "*nước gương trong, soi tóc những hàng tre*". Sự kết hợp khéo léo nghệ thuật nhân hoá những hàng tre hai bên bờ sông như những cô gái soi tóc trên mặt sông như tấm gương soi khổng lồ. Con sông hiện lên mới xinh đẹp, hiền hoà, gần gũi biết bao! Trước dòng sông quê như thế làm sao ta không yêu, không nhớ được. Tác giả đã trải lòng mình qua nghệ thuật so sánh khẳng định "*Tâm hồn tôi là một buổi trưa hè*". "*Tâm hồn tôi*" là một khái niệm cụ thể so sánh với "*buổi trưa hè*" cho thấy nhiệt tình nồng cháy của nhà thơ. Từ láy "*thấp thoáng*" kết hợp với động từ "*tỏa*" đã đưa dòng sông vào trang cổ tích với một con sông dát bạc, diệu kì. Tình yêu của Tế Hanh đã làm cho con sông quê đẹp và âm áp tình người.

(Bài làm của học sinh)

Câu 2: (2 điểm)

Nêu tư tưởng, chủ đề của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long. Tìm trong văn bản câu văn thể hiện chủ đề đó.

Phương pháp:

Từ nội dung rút ra tư tưởng, chủ đề của truyện ngắn

Lời giải chi tiết:

a. Tư tưởng, chủ đề của truyện ngắn *Lặng lẽ Sa Pa* của Nguyễn Thành Long: ca ngợi những con người lao động mới. Những con người vô danh đã âm thầm sống, lao động và suy nghĩ... như vậy cho đất nước. (1 điểm)

b. Câu văn thể hiện chủ đề truyện ngắn: “Trong cái lặng im của Sa Pa, dưới những dinh thự cũ kĩ của Sa Pa, Sa Pa mà chỉ nghe tên, người ta đã nghĩ đến chuyện nghỉ ngơi, có những con người làm việc và lo nghĩ như vậy cho đất nước”. (1 điểm)

Câu 3: (6 điểm)

Hãy tưởng tượng bé Thu đang tâm sự với em về những nỗi niềm của mình với người cha thân yêu trong đoạn trích *Chiếc lược ngà* của Nguyễn Quang Sáng.

Phương pháp:

Nhớ lại nội dung câu chuyện và kết hợp trí tưởng tượng phong phú

Lời giải chi tiết:

1. Về hình thức

- Nắm vững kỹ năng làm bài văn tự sự, biết kết hợp, đan xen các yếu tố nghị luận và miêu tả nội tâm một cách chân thực, sinh động để bài viết đạt kết quả cao.

- Trình bày đúng, đủ bố cục ba phần của bài làm; phân đoạn hợp lí.

- Xác định ngôi kể: Ngôi thứ nhất, đan xen “tôi” là người kể.

- Biết sử dụng lời văn đối thoại, độc thoại từ ngôi kể thích hợp.

- Hành văn mạch lạc, trong sáng. Không có quá nhiều lỗi sai: lỗi dùng từ, ngữ pháp, diễn đạt, sai chính tả.

- Thứ tự kể: Theo dòng cảm xúc, tâm sự của nhân vật bé Thu với em về nỗi niềm của chính mình.

2. Về nội dung

Nhân vật chính: bé Thu

Tình huống truyện: giả định em gặp gỡ và trò chuyện với bé Thu.

Tuy là đề yêu cầu tưởng tượng nhưng khi kể phải bám sát vào ý kiến đã nêu ở trong đề bài (văn bản). Khi kể phải nêu được những ý sau:

- Trong con mắt của bé Thu, anh Sáu chỉ là người đàn ông xa lạ, đang tìm mọi cách để gần gũi và đánh lừa nó vì một lí do nào đó mà nó chưa thể hiểu...

- Sự hoảng sợ và căm ghét cao độ của bé Thu trong những ngày anh Sáu ở nhà.

- Sự xúc nổi, làm lỡ, chịu đựng, tỏ ra bất cần của bé Thu trước sự chăm sóc của anh Sáu.

- Tình cảm ân hận, hối tiếc của bé Thu khi nhận ra cha mình.

- Phút chia tay cuối cùng, tình yêu, nỗi nhớ, niềm ân hận và hối tiếc dồn nén, bùng bùng lên mạnh mẽ, hối hả, cuống quýt và mãnh liệt; hồn nhiên, ngây thơ và chân thành...

- Trong và sau cuộc gặp gỡ thể hiện được tình cảm của bé Thu với người cha thương yêu của mình, sự phát triển tâm lí rất tự nhiên.

- Biết kết hợp tự sự với các yếu tố khác: miêu tả nội tâm, đối thoại, độc thoại một cách hợp lí.

Loigiaihay.com